VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn học Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Mnông, Tiếng Thái

(Tiếp theo Công báo số 973 + 974)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN TIẾNG CHĂM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2020

b) Đọc hiểu hình thức Phân biệt lời nhân vật với lời người kể chuyện; phân tích được một số yếu tố trong truyện: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật chính,… c) Liên hệ, so sánh, kết nối Nhận biết cách ngắt nghỉ trong câu, các dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm cảm… d)Đọc mở rộng Đọc thuộc một số đoạn văn khoảng 40 chữ và một bài thơ đã học 3 khổ. Văn bản ngoài chương trình có độ dài tương đương. **III. VIẾT** 1.Kỹ thuật viết -Viết đúng chính tả một đoạn văn, đoạn thơ có độ dài khoảng 45-50 chữ đã học. - Hình thức viết: nghe-viết; nhớ-viết. 2. Viết câu, đoạn văn ngắn: a) Quy trình viết	một văn bản văn học. 4.Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. **NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học -Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn trong các chủ đề: +Nhà trường: *thầy thương trò; ca dao dạy nam nhi; ca dao dạy nữ nhi; …* +Gia đình: *câu chuyện bó đũa; câu đố (khuyến học); …* +Cộng đồng: *Giúp đỡ người tàn tật; gà mẹ và đàn con; ngày hội giao lương;cu gáy và kiến; lửa cháy nhà hàng xóm;…* +Quê hương, đất nước: *Bác về thăm quê; Bác Hồ lúc còn nhỏ; cháu ngoan Bác Hồ;anh bộ đội;…* -Đồng dao Chăm (bài con cò): cách gieo

Viết đoạn văn nội dung phù hợp với yêu cầu đề bài. Câu đoạn có mối liên hệ với nhau. b)Thực hành viết - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn viết thư (gồm 3 phần: mở bài, thân bài và kết luận) - Biết viết thư cho người thân: ông, bà, cha, mẹ, anh, chị,… - Biết chọn từ điền vào chỗ trống để cho tục ngữ, thành ngữ hoặc ca dao trở thành hoàn chỉnh.	vần và ý nghĩa. -Lưu ý sử dụng truyện cổ dân tộc Chăm ở một số vùng miền khác nhau khi biên soạn sách giáo khoa. 2.Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

Trình độ B. Năm học thứ mười (lớp 10; số tiết 105tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE – NÓI 1. Nghe -Nghe hiểu nội dung câu chuyện và quan điểm của tác giả. -Biết thuật lại một sự việc đã nghe. 2. Nói	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1.Từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ) chú trọng đến các từ ngữ về: + Quyền trẻ em. + Tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em.

- Kể được câu chuyện đã nghe, đã học.

- Biết giới thiệu về một số hoạt động ở địa phương.

3. Nói nghe tương tác

-Biết trình bày ý kiến của mình trước đông người.

- Biết hỏi lại để hiểu rõ hơn điều người khác nói.

-Thể hiện được thái độ thân thiện, hợp tác trong thảo luận, tranh luận.

II. ĐỌC

1.Kỹ thuật đọc

- Đọc đúng văn bản nghệ thuật có độ dài khoảng 100 chữ.

- Tốc độ đọc 30-40 chữ/phút.

- Biết đọc thầm; tốc độ đọc 40-50 chữ/phút.

- Biết cách đọc lướt một văn bản dài.

2.Đọc hiểu

a) Đọc hiểu nội dung

- Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản.

-Bước đầu biết phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng mà

+ Bảo vệ môi trường.

+ Bảo vệ tổ quốc.

+ Phong tục tập quán (mỹ tục)

2. Từ có tiền tố " ᨿᩣ"

3. Từ có tiền tố " ᨾᩣ"

4. Câu tường thuật.

5. Câu hỏi: tổng quát, chọn lựa và bộ phận.

6. Cách viết bài văn tả cây cối.

7. Kiểu văn bản và thể loại:

-Văn bản miêu tả

-Văn bản biểu cảm

-Văn bản thông tin

-Văn bản cổ: thơ/Ariya Pato Adat Kamei.

KIẾN THỨC VĂN HỌC

văn bản muốn gửi đến người đọc. b) Đọc hiểu hình thức - Nhận biết đặc điểm của thể loại văn bản. - Phân tích được một số yếu tố trong truyện: không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật chính, lời nhân vật… c) Liên hệ, so sánh, kết nối Nhận biết cách ngắt nghỉ các cụm từ dài trong câu. d) Đọc mở rộng Đọc thuộc một số văn bản khoảng 40-50 chữ và một bài thơ đã học 3-4 khổ. Văn bản ngoài chương trình có độ dài tương đương. **III. VIẾT** 1. Kỹ thuật viết - Viết đúng cỡ chữ mẫu chữ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. - Viết đúng chính tả đoạn văn đoạn thơ có độ dài khoảng 50-60 chữ đã học theo hình thức nghe-viết.	1. Tưởng tượng trong tác phẩm văn học. 2. Một số yếu tố hình thức lục bát Chăm và lục bát Chăm theo cách gieo vần lục bát Việt: số lượng câu, chữ, vần và nhịp. 3. Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối một văn bản văn học. 4 .Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. **NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học - Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn trong các chủ đề: + Nhà trường: *bài học đầu tiên; học cùng lớp; một buổi trật nhật; ...* + Gia đình: *tấm lòng người chị; tấm lòng người mẹ; nhớ ngôi trường xưa; ...* + Cộng đồng: *Một việc làm tốt; muối Cà-ná; nhà máy dệt Đa Nhim; ...*

2. Viết đoạn văn, bài văn - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn miêu tả: cây cối (gồm 3 phần: mở bài, thân bài và kết luận) - Biết viết các văn bản thông thường.	+Quê hương, đất nước: *Làng Thành Tín; đất nước chúng ta; Vừ A Dính;...* -Đồng dao Chăm (bài Chim sâu): cách gieo vần và ý nghĩa. 2. Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

Trình độ B. Năm học thứ mười một (lớp 11; số tiết 105 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
I. NGHE – NÓI 1. Nghe - Nghe hiểu nội dung câu chuyện và quan điểm của tác giả. - Biết thuật lại một sự việc, hoạt động ở trường lớp, địa phương đã nghe. 2. Nói - Biết trình bày ý kiến so sánh, đánh giá hai câu chuyện đã nghe. đã học.	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1. Phương ngữ Chăm. 2.Từ có tiền tố "ꨌ" 3. Từ có tiền tố "ꨆ" 4. Từ có trung tố "ꨌꩀ" 5. Câu mệnh lệnh.

- Biết giới thiệu về danh lam, thắng cảnh và các hoạt động của địa phương. 3. Nói nghe tường tác - Biết trình bày ý kiến tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau. -Thể hiện thái độ tôn trọng người tham gia thảo luận, tranh luận. **II. ĐỌC** 1.Kỹ thuật đọc - Đọc đúng và lưu loát văn bản thông thường, hành chính khoa học có độ dài khoảng 120-140 chữ, tốc độ đọc 40-45 chữ/phút. - Biết đọc thầm bằng mắt, tốc độ đọc 45-50 chữ/phút. - Biết đọc lướt một văn bản dài. 2.Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung - Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu đề tài. - Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng mà văn bản muốn	6. Câu cảm. 7. Tả được bài văn tả con vật. 8. Kiểu văn bản và thể loại: -Văn bản miêu tả; -Văn bản biểu cảm; -Văn bản thông tin; -Văn bản cổ "Gia huấn ca": thơ/Ariya Pato Adat Likei. **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1.Tưởng tượng trong tác phẩm văn học. 2.Một số đặc điểm của trường ca Chăm (Ariya): số lượng câu, chữ, vần và nhịp. 3.Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối một văn bản văn học. 4.Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả.

gửi đến người đọc. - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng mà người viết thể hiện qua văn bản. b) Đọc hiểu hình thức - Nhận biết đặc điểm thể loại văn bản. - Đánh giá được cách giá trị của một số yếu tố nghệ thuật trong văn bản. c) Liên hệ, so sánh, kết nối: Nhận biết cách ngắt nghỉ các cụm từ dài trong câu, các dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm cảm…và các từ nối trong câu. d) Đọc mở rộng: Đọc thuộc một số văn bản khoảng 50 chữ và một bài thơ đã học 4 khổ. Văn bản ngoài chương trình có độ dài tương đương. **III. VIẾT** 1. Kỹ thuật viết - Viết đúng chữ cỡ mẫu chữ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. - Viết đúng chính tả đoạn văn đoạn thơ có độ dài khoảng 50-60 chữ đã học theo hình thức nghe-viết.	**NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học -Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn trong các chủ đề: +Nhà trường: *năm học mới; giờ tập thể dục; hết lòng vì học sinh thân yêu; ...* +Gia đình: *quê em đổi mới; lá buông quê em; ...* +Cộng đồng: *đoàn người cấy lúa; con voi Đắc lắc; đập Nha Trinh; ...* +Quê hương, đất nước: *cán bộ có gương tốt; bến tàu Phan Thiết; chiến đấu đến hơi thở cuối cùng;...* 2. Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

2. Viết đoạn văn, bài văn - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn miêu tả: con vật (gồm 3 phần: mở bài, thân bài và kết luận) - Biết viết các văn bản thông thường.	

Trình độ B. Năm học thứ mười hai (lớp 12; t 105 tiết)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE – NÓI 1.Nghe -Nghe hiểu nội dung và quan điểm của người nói. -Biết thuật lại lưu loát sự việc đã nghe. 2. Nói - Biết trình bày ý kiến so sánh, đánh giá về những điều đã nghe, đã học. 3. Nói nghe tương tác - Biết trình bày ý kiến tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.	**KIẾN THỨC TIẾNG CHĂM** 1.Tiếp tục Phương ngữ Chăm. 2. So sánh lối viết vần chữ Chăm xưa và nay. 3. Một số văn bản cổ tiêu biểu trong sử thi, gia huấn ca / Ariya Chăm và Bà-ni, Sah Pakei. 4.Cấu trúc câu phức của tiếng Chăm (nhiều chủ ngữ hoặc nhiều vị ngữ). 5.Liên kết các vế câu trong một câu; liên kết các câu trong đoạn; liên kết các đoạn trong bài.. 7.Tả được bài văn tả người.

-Thể hiện được cách nghĩ, quan điểm, thái độ của cá nhân trong thảo luận, tranh luận. **II. ĐỌC** 1.Kỹ thuật đọc: - Đọc đúng và lưu loát văn bản nghệ thuật, hành chính khoa học có độ dài khoảng dưới 150 chữ, tốc độ đọc 45-50 chữ/phút. - Biết đọc thầm bằng mắt, tốc độ đọc 50-55 chữ/phút. - Biết cách đọc lướt một văn bản dài. 2.Đọc hiểu a) Đọc hiểu nội dung -Biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản; biết phân tích các chi tiết tiêu biểu đề tài, câu chuyện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tác phẩm. -Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng mà văn bản muốn gửi đến người đọc. -Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng mà người viết thể hiện qua văn bản. b) Đọc hiểu hình thức	8.Kiểu văn bản và thể loại: -Văn bản miêu tả -Văn bản biểu cảm -Văn bản thông tin **KIẾN THỨC VĂN HỌC** 1.Tưởng tượng trong tác phẩm văn học. 2.Một số yếu tố hình thức của thơ chân phương 4,5 hoặc 7 chữ: số lượng câu, chữ, vần và nhịp. 3.Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối một văn bản văn học. 4.Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả. **NGỮ LIỆU** 1.Văn bản văn học -Truyện cổ Chăm, truyện cổ của các dân tộc anh em, truyện ngắn trong các chủ đề: +Nhà trường: *việc giữ gìn nhà trường và lớp học; ...*

- Đánh giá được cách giá trị của một số yếu tố nghệ thuật trong văn bản. - Phân tích được mối quan hệ của các chi tiết trong văn bản. *c)* Liên hệ, so sánh, kết nối Nhận biết cách ngắt nghỉ các cụm từ dài trong câu, các dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm cảm…và các từ nối trong câu. *d)* Đọc mở rộng Đọc thuộc một số văn bản khoảng 60-70 chữ và một số bài thơ đã học 4 khổ. Văn bản tương đương ngoài chương trình có độ dài tương đương. **III. VIẾT** 1.Kỹ thuật viết -Viết đúng cỡ chữ mẫu chữ nhỏ; chữ viết rõ ràng, đủ nét, đủ dấu âm, thẳng hàng dưới dòng kẻ. -Viết đúng chính tả đoạn văn đoạn thơ có độ dài khoảng 50-60 chữ đã học theo hình thức nghe-viết. 2. Viết đoạn văn, bài văn - Biết tìm ý và lập dàn ý để viết một bài văn miêu tả người (gồm	+Gia đình: *công việc mà bạn Han ước mong;tiếng ru; ...* +Cộng đồng: *em bé làng Ka-do;chung lòng;cậu bé; ...* +Quê hương, đất nước: *người lái máy bay Líp-Bi-Nốp;vịnh Hạ Long;...* 2. Gợi ý chọn văn bản: (xem danh mục gợi ý)

3 phần: mở bài, thân bài và kết luận) - Biết viết thư cho người thân. - Biết viết các văn bản thông thường.	

VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Định hướng chung

Chương trình môn Tiếng Chăm vận dụng các phương pháp giáo dục theo định hướng chung là phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh vào cuộc sống.

Căn cứ vào chương trình, giáo viên chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học theo định hướng sau:

a) Thực hiện yêu cầu dạy học tích hợp trong nội môn Tiếng Chăm và tích hợp liên môn. Trong môn Tiếng Chăm, việc dạy các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết phải có mối gắn kết chặt chẽ với nhau, đồng thời nội dung học tập môn Tiếng Chăm phải có tính liên thông với các môn học khác về cả kiến thức và kỹ năng.

b) Chú trọng rèn luyện cho học sinh kỹ năng và phương pháp nghe, nói, đọc và viết tích cực và hiệu quả, thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học; chú trọng sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại để tạo hứng thú học tập cho học sinh.

c) Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của học sinh; dành nhiều thời gian cho học sinh nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận ; biết tự nghe, nói, đọc và viết theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Để hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông, giáo viên lựa chọn những phương pháp giáo dục phù hợp với môn Tiếng Chăm và đặc điểm đối tượng học sinh học Tiếng Chăm.

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy nghe,nói, đọc và viết ở từng trình độ, môn Tiếng Chăm cùng với tất cả các môn học khác góp phần hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất chủ yếu với những biểu hiện chính sau đây:

– Biết yêu quý và tự hào về truyền thống của dân tộc; biết trân trọng và giữ gìn, phát huy các giá trị bản sắc văn hoá, văn học dân tộc Chăm; trân trọng và giữ gìn các di sản, di tích tại địa phương.

– Biết quan tâm đến những người thân, biết thể hiện sự cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

– Có ý thức tìm hiểu nghiên cứu về tiếng nói, chữ viết của người Chăm.

– Yêu lẽ phải, thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

– Biết yêu quý Tiếng Chăm, không ngại khi nói Tiếng Chăm. Có ý thức bảo tồn và phát triển ngôn ngữ Tiếng Chăm và bản sắc văn hóa của dân tộc Chăm; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá của các dân tộc Việt nam và thế giới.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

Môn Tiếng Chăm góp phần cùng các môn học khác hình thành và phát triển ở học sinh các năng lực chung sau đây :

-Năng lực tự chủ và tự học : Thông qua nghe, nói, đọc và viết trong các tình huống giao tiếp thực hoặc giả định, môn Tiếng Chăm giúp học sinh phát triển vốn sống, vốn hiểu biết để có được sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác : Việc sử dụng Tiếng Chăm trong giao tiếp ở trường lớp hay ở địa phương, học sinh được trau dồi kỹ năng giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo : Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập trong môn Tiếng Chăm, học sinh được rèn luyện kỹ năng đánh giá sự vật, hiện tượng dưới những góc nhìn khác nhau, từ đó rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo.

3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

a) Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc Tiếng Chăm trong nhà trường phổ thông là giúp học sinh biết đọc và tự đọc được văn bản viết bằng Tiếng Chăm.

Tùy vào đối tượng học sinh ở từng cấp học, lớp học và nội dung đọc (đọc âm, đọc tiếng, từ, câu, đoạn, bài) mà người dạy vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy học đọc cho phù hợp. Quan trọng nhất là học sinh có nhiều cơ hội thực hành, luyện tập kỹ năng đọc thành tiếng, đọc thầm, đọc hiểu thông qua các cách thức tổ chức hoạt động đọc linh hoạt. Khi dạy học đọc hiểu từ ngữ, nội dung văn bản, cần tăng cường sử dụng các yếu tố trực quan và thiết kế các loại câu hỏi đa dạng với những mức độ khác nhau, qua đó thực hiện dạy học phân hóa và hình thành, phát triển kỹ năng đọc cho học sinh. Học sinh phải được thảo luận, chia sẻ những cảm xúc và ý tưởng nảy sinh từ việc đọc dưới hình thức nói và viết (có thể dưới các hình thức khác như vẽ tranh, đóng kịch,... tùy theo năng khiếu, sở thích và hứng thú của học sinh). Góp phần hình thành và phát triển ở những học sinh có năng khiếu, khả năng thưởng thức và sáng tạo văn chương.

b) Phương pháp dạy học viết

Việc dạy học nghe, nói, đọc và viết có sự gắn kết chặt chẽ với nhau. Qua việc đọc và thảo luận về các văn bản đã đọc, học sinh có thể tìm thấy "khuôn mẫu" để phát triển năng lực viết của mình (về ngôn ngữ,về hình thức trình bày...).

Việc dạy viết có thể thực hiện theo nhiều cách thức khác nhau, tuỳ theo nội dung yêu cầu (viết kỹ thuật hay viết theo suy nghĩ, ý tưởng) và tuỳ thuộc năng lực của các nhóm đối tượng học sinh.

- Ở cấp độ A, nghiêng về luyện kỹ thuật viết Dạy kỹ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết từ ngữ, câu văn có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

- Ở cấp độ B chú trọng cả yêu cầu kỹ thuật viết và viết đoạn văn, bài văn.Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài,...

Việc dạy viết cần tạo cơ hội để các em được viết nhiều và giáo viên phải dành thời gian để sửa kỹ và nhận xét những tiến bộ của học sinh trong bài viết. Qua việc đọc các bài viết của học sinh mà giáo viên nắm được các em có những hạn chế gì cần khắc phục để có những hỗ trợ phù hợp với từng em.

c) Phương pháp dạy nói và nghe

Định hướng của chương trình là giúp học sinh phát triển toàn diện năng lực giao tiếp, thể hiện không chỉ qua đọc, viết, mà còn qua cả nói và nghe. Đối với kỹ năng nói và nghe, học sinh sẽ được học trong sự kết hợp chặt chẽ cả yêu cầu nói và nghe cùng lúc. Sẽ có bài nghiêng về yêu cầu nói, có bài nghiêng về yêu cầu nghe và có bài yêu cầu nghe và nói tương tác.

Đối với việc dạy nói và nghe, giáo viên phải hướng dẫn cho học sinh cách thức, quy trình chuẩn bị một bài trình bày và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và tham gia thảo luận, tranh luận. Cần tạo được môi trường để học sinh được tự tin và tự do trình bày quan điểm, suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc.

- Về kỹ năng nói : Giáo viên cần chú ý hướng dẫn học sinh biết cách tập trung vào chủ đề và mục tiêu khi nói; biết thể hiện sự tự tin, năng động của người nói trong những ngữ cảnh giao tiếp đa dạng; biết cách nói rõ ràng, mạch lạc, phù hợp với ngữ cảnh, giúp người nghe dễ nắm bắt được nội dung; biết kiểm soát, điều chỉnh âm lượng và ngữ điệu; biết cách sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ trong khi nói, trình bày.

- Về kỹ năng nghe : Học sinh cần được rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và thái độ lắng nghe phù hợp. Khi nghe, học sinh cần nắm bắt được nội dung do người khác nói hay độ chính xác của nội dung nghe được; hiểu và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, đặc biệt là biết lắng nghe những ý kiến khác biệt.

- Về kỹ năng nghe – nói tương tác : Thông qua hoạt động thảo luận, tranh luận, giúp học sinh hiểu được tính chất tác động qua lại của ngôn ngữ nói và có được thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận, tranh luận; có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận, tranh luận.

Dạy ngôn ngữ nói và viết thông qua bốn kỹ năng (nghe, nói, đọc và viết) là xu hướng chung của chương trình dạy tiếng mẹ đẻ hiện nay. Chú trọng rèn kỹ năng nói sẽ tiếp tục phát triển được đặc điểm tự nhiên và cảm tính đã có ở vốn ngôn ngữ của trẻ, phát huy được năng lực cá nhân của các em, giúp các em chủ động hơn, tự tin hơn trong quá trình tiếp thu kiến thức và rèn kỹ năng ngôn ngữ.

VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Chăm nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học sinh trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Tiếng Chăm là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với học sinh mỗi mức độ, trình độ, cấp độ đã quy định trong chương trình.

3. Nội dung đánh giá

Trong môn Tiếng Chăm, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc và viết.

Đánh giá hoạt động nói và nghe: Tập trung vào yêu cầu học sinh nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kỹ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kỹ năng nghe, yêu cầu học sinh nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Đánh giá hoạt động đọc: Tập trung vào yêu cầu học sinh đọc đúng và hiểu nội dung, chủ đề của văn bản.

Đánh giá hoạt động viết: Tập trung vào yêu cầu học sinh viết đúng đoạn văn, tạo lập các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, kể, tường thuật. Việc đánh giá kỹ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt, hình thức ngôn ngữ và trình bày.

Đánh giá phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trong môn Tiếng Chăm tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm của học sinh khi đọc, viết, nói và nghe; thực hiện chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét.

4. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn tiếng Chăm thực hiện bằng cách: đánh giá thường xuyên.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau, học sinh tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, giáo viên có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về học sinh, việc học sinh trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình làm bài kiểm tra, làm dự án sưu tầm tư liệu, ...

Việc đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc học sinh được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, và năng lực sử dụng ngôn ngữ Tiếng Chăm, biết thể hiện những suy nghĩ và tình cảm của chính học sinh; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. Học sinh cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình này được áp dụng cho các trường học có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện Chương trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình cần có đủ cơ sở vật chất trường lớp, sách giáo khoa, sách giáo viên, thiết bị dạy học theo quy định; có giáo viên dạy Tiếng Chăm đạt chuẩn trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; cán bộ quản lý và giáo viên Tiếng Chăm được tham gia các khóa bồi dưỡng về chương trình, sách giáo khoa và phương pháp dạy học Tiếng Chăm.

X. DANH MỤC VĂN BẢN (NGỮ LIỆU)

Lớp 1, Lớp 2 và Lớp 3

Bộ chữ cái, dấu âm, vần Chăm:

- Bộ chữ cái (37 chữ cái),dấu âm (24 dấu âm), bộ vần Chăm (178 vần; trong đó 141 vần thông dụng và 37 vần ít dùng)

Văn vần (Thơ, ca dao, đồng dao)

-Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm của INRASARA, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc,2006

+ Phong tục tập quán.

+ Học tập.

+ Gia đình.

Văn bản thông tin:

Các văn bản giới thiệu một số sự vật, hiện tượng, văn bản ngắn thuật 2- 3 việc làm cụ thể, mục lục sách...

Lớp 4 và Lớp 5

Văn xuôi:

(1) Sách học sinh Tiếng Chăm lớp 3 xuất bản tháng 9 năm 2009:

- Ngày khai trường. - Buổi học đầu tiên. - Thầy giáo lớp em.

- Tủ sách Xtac-đi. - Giữ gìn dụng cụ học tập.

- Giữ sạch sân trường. - Lòng mẹ. - Ông ngoại. - Mẹ em. - Con kiến.

- Đêm rằm. - Lễ hội Katê . - Làng Văn hóa Chăm.

- Nhạc cụ Chăm. - Giữ sạch thức ăn.

- Đôi bạn thân. - Lời Bác Hồ căn dặn. - Bác Hồ với thiếu niên. - Tình làng nghĩa xóm. - Đầm sen.

- Cánh đồng lúa chín. - Làng em. -Nhớ ơn. - Chim sâu. - Em lên lớp năm.

- Tập viết chữ. - Tục ngữ Chăm. - Giúp mẹ. - Ông ngoại.

- Bốn mùa. - Bác Hồ với các em thiếu nhi. - Đầm sen.

-Tục ngữ Chăm về gia đình. - Công ơn cha mẹ. - Hãy nhớ!

(2) Sách tiếng Chăm lớp 4 xuất bản năm 2010:

- Cây xoài ông em. - Bữa cơm gia đình. - Anh Tom.

- Thích đọc sách. - Ngày hội Katê.

- Nghề dệt thổ cẩm Chăm. - Người láng giềng. - Ai can đảm.

- Lễ hội đầu năm.

- Vâng lời mẹ - Chị em cấy lúa. - Ru em. - Ngày vui của em.

- Tuần lễ Chăm. - Tục ngữ Chăm (bài trừ tệ nạn xấu;kính trên nhường dưới; ăn mặc) - Nhớ ông.

Văn vần (Thơ, ca dao, câu đố)

Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm nói về ***gia đình, đạo đức,luân lý*** *của INRASARA, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc,2006*

- Ca dao, tục ngữ:

+Dận tộc-Nguồn cội. +Đạo đức-Luân lý. +Gia đình.

- Câu đố: về đồ dùng trong gia đình, cây cối, con vật.

Văn bản thông tin:

Các văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách, văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc, hoặc cách sử dụng một sản phẩm, thư cảm ơn, in lỗi, thư thăm hỏi, ...

Lớp 6 và Lớp 7

Văn xuôi:

-Truyện cổ Chăm:

+Ai mạnh nhất; +Cậu bé thông minh; +Hủ bạc của cha;

+Sừng trâu và răng ngựa; +Cây lúa và cỏ.

-Truyện cổ của các dân tộc anh em:

+ Quả bầu mẹ (dân tộc Kh'mú) + Cây đao thần (dân tộc Tày) + Bồ câu gặp nạn (dân tộc Kh'mer)

+ Con bướm theo Nguyễn Thị Châu Giang (dân tộc Kinh)

**Những mẩu chuyện về Bác Hồ:*

- Qua suối. - Noi gương Bác.

Văn vần (Thơ, ca dao, tục ngữ):

- Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm của INRASARA, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.2006

**Tục ngữ: +Dân tộc-Nguồn cội. +Giàu-Nghèo. +Họ hàng -Máu mủ.*

**Thành ngữ: Người mẹ, lao động sản xuất,*

**Câu đố:Tên làng Chăm, con vật nuôi, đồ dùng sinh hoạt,...*

- Truyện thơ cổ Chăm: Gia Huấn Ca của Tổ Mẫu Chăm - Khuyết danh.

+Gia Huấn ca nói về Nam nhi (trích đoạn nói về công việc đồng án)

+Gia Huấn Ca nói về Nữ nhi (trích đoạn nói về công việc nội trợ)

- Sách Tiếng Chăm lớp 4 xuất bản năm 2010:

+Em đi đến trường. + Gương tốt. + Bạn tốt.+ Chị em đi cấy. + Ru em.

+Ngày lao động vui vẻ. + Tuần lễ Chăm.

+ Tục ngữ Chăm (bài trừ tệ nạn, kính trên nhường dưới, cách ăn mặc)

+ Thương nhớ ông. + Chim. + Làng Bầu Trúc. + Vâng lời mẹ.

+Ngày khai trường. +Vệ sinh lớp học. +Đồ dùng đầu năm học.

+ Vệ sinh thân thể.

+ Không tham của rơi. + Cây xoài ông em. + Bữa cơm gia đình.

+ Anh Tom.

+ Thích đọc sách. + Lễ hội Katê Chăm. + Nghề dệt thổ cẩm Chăm.

+Bà con láng giềng.

+ Lòng can đảm. + Ngày hội đầu năm của người Chăm.

+Tháp Pô Kloong Girai.

+ Tháp Pô Dam (Pô Tầm). +Ngày hội đua voi. + Đà Lạt.

+ Quang cảnh làng em.

+ Năm học mới. + Giữ sạch phòng học. + Dụng cụ học tập đầu năm.

+ Giữ sạch thân thể. *+ Không tham lam.*

- Sách Tiếng Chăm lớp 5 xuất bản năm 2010:

+ Công ơn mẹ. *+ Công việc nấu nướng.* *+ Học tập cho thỏa thích.*

+ Katê trên tháp.

+ Phong cách ăn mặc. *+ Tiếng gà gáy.* *+ Làng Chăm giàu có.+ Thương quê.*

+ Nghề làm nông nghiệp. *+ Tiếng ru.* *+ Cô giáo em.* *+ Thầy giáo em.*

+ Sắp xếp. *+ Vâng lời thầy cô.*

+ Gia đình em Plôi. *+ Tấm lòng người chị.* *+Gia đình ông ngoại.*

+ Thư gửi cho bà nội.

+ Sắc màu ngày hội Katê. *+ Bác về thăm Pắc Bó.* *+ Tiếng trống ông Võ Tìm.*

+ Quà bầu mẹ.

+ Ngày hội văn hóa các dân tộc. *+ Làng Thành Tín.* *+Báo tàng tượng đá Chăm.*

+Ngôi trường của em.+ Thầy giáo Nguyễn Tất Thành. *+ Gương sáng.* *+ Quyết chí học tập.*

- Sách Tiếng Chăm lớp 5 xuất bản năm 2002:

+ Thầy giáo Nguyễn Tất Thành.

Văn bản thông tin:

Các văn bản thuật lại một sự kiện lịch sử, tin nhắn, thư điện tử; văn bản giới thiệu một luật lệ / trò chơi…

Lớp 8 và Lớp 9

Văn xuôi:

-Sách Ngữ văn Chăm 3 xuất bản năm 1981:

+Dưới cơn mưa. *+Tục ngữ ca dao Chăm (khuyến học)* *+Bến cá.* *+Bờ biển Cà Ná.* *+Quê hương giàu và đẹp.*

+Đầm sen quê em. *+Tiếng hát làng quê.* *+Anh bộ đội.* *+Chủ nhiệm hợp tác xã.* *+Trường Dục Thanh.*

+Rừng mai quê em. +Thầy giáo Nguyễn Tất Thành. +Bác Hồ và các em nhỏ dân tộc thiểu số.

+Thư gửi cho bố. +Em tôi. +Gà mẹ và đàn con. +Anh tôi. +Đôi bạn. +Tiếng gà gáy.

+Giúp đỡ người tàn tật. +Tiếng sáo. +Câu đố. +Quê tôi. +Cây bông vải.

+Phát triển cây trồng. +Đàn đá. +Ngày hội giao lương thực. +Cháu ngoan Bác Hồ.

+Xem múa.+Vườn cây ao cá Bác Hồ. +Nhà máy dệt. +Bác Hồ ở chiến khu.

+Anh hùng Pi-Năng-Tắc. +Thăm nghĩa trang(liệt sĩ) +Mơ gặp Bác Hồ.

+Bác Hồ lúc còn nhỏ.

+Quả táo Bác Hồ. +Cháu về thăm lăng Bác. +Bác về thăm quê.

+Buổi học cuối năm.

+mùa xuân. +mùa hạ. + mùa thu. +mùa đông.

- Truyện cổ Chăm của Kinh Duy Trịnh, Nhà Xuất bản Kim Đồng, 2017:

+Hai người bạn. +Câu chuyện bó đũa.

- Truyện cổ Chăm:

+ Rùa vàng. + Trâu đực đẻ con. + Trí không của con người. + Núi vàng núi bạc.

- Truyện cổ của các dân tộc anh em:

+ Cu gáy và kiến của La Phong-Ten. + Câu chuyện quả cam theo Lệ Sơn (dân tộc Kinh)

+ Lạc đà và ngựa của Lep-Tôn-Xtôi; + Lửa cháy nhà hàng xóm (dân tộc Kinh)

+ Chim,con nai và con ba ba (dân tộc Thái) +Con đĩa trâu và con nai (dân tộc Mã Lai)

- Những mẩu chuyện về Bác Hồ:

+ Điều mong muốn của Bác Hồ. – Noi gương Bác.

+ Những chuyện kể về Bác Hồ với thiếu niên, nhi đồng: Phan Tuyết và Bích Diệp sưu tầm.

+ Các em sạch và ngoan.

Văn vần (Thơ, ca dao, truyện thơ):

- Ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố Chăm của INRASARA. Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc,2006

Tục ngữ:

+Khôn-Dại. +Kinh nghiệm sống. +Lời nói-Tri thức. +Thời tiết-Kinh nghiệm sản xuất

Thành ngữ:Trí tuệ

Câu đố:

+Vật dùng trong gia đình. + Cây cối, công cụ lao động sản xuất. + Thiên nhiên môi trường.

Truyện thơ cổ Chăm: Gia Huấn Ca của Tổ Mẫu Chăm - Khuyết danh.

+Trường ca, Gia Huấn ca nói về Nam nhi (trích đoạn nói về cộng đồng)

+Gia Huấn Ca nói về Nữ nhi (trích đoạn nói về lao động sản xuất)

**Tiếng Chăm căn bản của Thuận Ngọc Liêm, Sở Giáo Dục&Đào Tạo Ninh Thuận , 1999.*

+Thầy thương trò. +Tháp Chăm của Nông Quốc Chấn. +Làng tôi. +Tại sao ? (phần 1) +Tại sao ? (phần 2)

+Một số ca dao tục ngữ Chăm: -Khuyến học.

*+ Dạy **nam nhi** về đạo đức : -Lời dạy nam nhi về học tập; với cộng đồng;giúp đỡ nhau;*

*+Dạy **nữ nhi** về đạo đức: -Lời dạy nữ nhi về công việc gia đình;sản xuất; luật tục Chăm;*

Văn bản thông tin:

Tập Tài liệu giảng dạy cho cán bộ công chức tại **Ninh Thuận**, tháng 7 năm 2007:

- Đàn Kanhi Chăm. –Trống Ginăng Chăm

–Akhar Thrah (chữ Chăm phổ thông). –Tháp Chăm.

- Canh bồi người Chăm. –Giữ môi trường chung. – Lễ tẩy trần.

–Hai bàn tay.

-Đúng mà đánh rồi. –Hồng gấm anh hùng. –Cũng là một chiến công.

–Múa dân gian Chăm.

-Nhạc cụ Chăm. *–Rija Nưgar (lễ hội đầu năm)*

-Lễ hội Katê.

-Câu chuyện trải chiếu. - Lễ hội Ramưwaan. –Bài học từ bữa tiệc.

–Lời bác sĩ.

-Làng thổ cẩm Chăm Mỹ Nghiệp *-Làng gốm gọ Bầu Trúc.*

Tập Tài liệu giảng dạy cho cán bộ công chức tại **Bình Thuận,** tháng 12 năm 2009:

-Lời kêu gọi của chủ tịch Hồ Chí Minh. *-Thư gửi bà.*

Lớp 10 , Lớp 11 và Lớp 12

Văn xuôi:

+Thả diều xứ nắng (Inrasara), truyền thuyết NXB Kim Đồng.

-Sách Ngữ văn Chăm 4 xuất bản 1986:

+Bài học đầu tiên. +Cùng lớp. +Một buổi trực nhật. +Tấm lòng người mẹ.

+Tấm lòng người chị.

+Thư gửi cho các anh bộ đội. +Lớp em lao động. +Việt Nam quê hương tôi.

+Quê hương đổi mới.

+Bến tàu ở quê hương Bác. +Cánh đồng bông vải. +Vựa lúa.

+Nhà máy điện Đa Nhim.

+Con kiến và con ve sầu. +Đoàn người cấy lúa. +Xây dựng hợp tác xã.

+Người thiếu niên anh hùng.

+Nghề dệt thổ cẩm Chăm.+Đất nước chúng ta+Trường Sơn. +Hang Pác-bó.

+Ca dao (đạo đức) +Lối sống giản dị của Bác Hồ. +Bác Hồ với thiếu niên.
+Lễ cuối học kỳ. +Cháu là đứa trẻ có học. +Câu đố (các loại quả)
+Vừ A Dính. +Một việc làm tốt. +Cháu vâng lời Bác.
+Quê hương giàu có. +Bến tàu Cảm Liên +Ca dao (lao động sản xuất)
+Muối Cà-Ná.
+Đà Lạt. +Tục ngữ, ca dao (đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau)
+Đôi bàn tay.
+Làng Thành Tín. +Không gì đẹp hơn.+Dân tộc Chăm trong đại gia đình Việt Nam.
+Máy bay và đời sống hiện nay.+Không gì đẹp hơn (tiếp theo) +Cách mạng tháng chín thành công.
+Đời đời nhớ ơn Hồ Chí Minh vĩ đại. +Về thăm quê Bác.
+Cất có nơi và có chỗ.
+Nhớ ngôi trường xưa. +Công ơn Bác. +Dựa vào cách mạng. +Nghỉ hè.

-Sách Ngữ văn Chăm 5 xuất bản 1986:

+Năm học mới. +Tình mẹ con. +Niềm vui chung. +Em yêu.
+Người nhà Bác Hồ.
+Giờ tập thể dục. +Bài ca lao động. +Vườn trái cây. +Trồng cây cho đẹp xóm làng.
+Cánh đồng quê. +Hết lòng vì học sinh thân yêu. +Lượm.
+Việc giữ gìn nhà trường và lớp học.
+Quê em đổi mới. +Vui mừng trên cánh đồng bông vải. +Ngày hội giao quân.
+Chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. +Trường Sơn. +Ngôi sao băng.
+Lời dặn của bố.
+Sức người. +Bến tàu Phan Thiết.

+Tình bạn ba nước Việt nam-Lào-Campuchia.

+Công việc mà bạn Han ước mong. *+Chung lòng.* *+Đập Nha Trinh.*

+Việc làm oai phong.

+Hát se chỉ (giao duyên) *+Cuộc vui giữa đồng bào Chăm và Kinh.*

+Con vịt lạc bầy.

+Tục ngữ (thời tiết-thời vụ) *+Vịnh Hạ Long.* *+Cậu bé.*

+Tục ngữ (đoàn kết,luân lý)

+Em bé làng Ka-Do. *+Lá buông quê em.* *+ Ba mươi năm đời ta có Đảng.*

+Thác Trị An. *+Con voi Đắc Lắc.* *+Tiếng ru.* *+Cán bộ có gương tốt.*

+Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. *+Thăm trường xưa Pác-Bó.* *+Người lái máy bay Lip-Bi-Nôp.*

+Lúc nào cũng nghĩ đến các cháu. *+Mùa hè đã về.*

-Truyện cổ Chăm tập 1 của Kinh Duy Trịnh, Nhà Xuất bản Kim Đồng, 2017:

+Chuột nhà và chuột đồng. *+Trâu đực đẻ con.* *+Bò và chó sói.*

+Kiến và ve sầu. *+Trí khôn của con người.* *+Núi vàng núi bạc.*

+Sự tích con khỉ. *+Cái chẻ bông bạc.* *+ Thỏ và ốc chạy thi.*

-Truyện cổ Chăm tập 2 của Kinh Duy Trịnh, Nhà Xuất bản Kim Đồng, 2019:

+Lời dặn của bác nông dân.

- Truyện cổ Chăm:

+Thỏ nổi tiếng là quan tòa giỏi. *+ Người tham vỡ bụng.*

- Truyện cổ của các dân tộc anh em:

+ Người Raglai làm giấy (dân tộc Raglai). *+Chàng nghèo tác biển (dân tộc Ê-đê)*

+Quả bầu mẹ (dân tộc Dao) *+ Bốn câu đố của người đốn củi (dân tộc Thái)*

+ Pê-Lanh-Đúc xử kiện (dân tộc Mã Lai) + Cây sáo Đing Năm (dân tộc Ê-đê)

- Những mẫu chuyện về Bác Hồ:

+ Lối sống giản dị của Bác Hồ. -Bảo vệ như thế là rất tốt.

+ Đời đời nhớ ơn chủ tịch Hồ Chí Minh. -Làng Chăm ơn Bác.

+Những chuyện kể về Bác Hồ với thiếu niên, nhi đồng: Phan Tuyết và Bích Diệp sưu tầm.

+ Chiếc rễ đa tròn. -Bác Hồ đến thăm bệnh viện. -Dành cho các Cháu.

Thơ, truyện thơ, ... :

-Văn học Chăm 1–Khái luận , Inrasara (in lần thứ 4, năm 2020)

-Văn học Chăm 2–trường ca, sưu tầm-nghiên cứu , Inrasara (in lần thứ 3, năm 2011)

- Sử thi Akayet Chăm, Inrasara, NXB Văn hóa Khoa học xã hội,2009.

-Thơ hiện đại: Tuyển Văn học Chăm hiện đại-Thơ, Inrasara.

-Tuyển tập tagalau, tuyển tập sáng tác-sưu tầm-nghiên cứu Chăm (21 tập, 2000-2020)

****Truyện thơ cổ Chăm:***

-Gia Huấn Ca của Tổ Mẫu Chăm (trích đoạn: Đạo đức, gia đình và cộng đồng)

-Thơ: Đất nước Việt nam (trích đoạn) của Nguyễn Đình Thi.

-Thơ: Sắc gốm làng Chăm của Thái Sơn Ngọc (Văn nghệ Bắc Bình năm 2017)

****Ca dao, tục ngữ Chăm:***

+ Đoàn kết dân tộc. +Tục ngữ về lao động sản xuất.

Văn bản thông tin:

*+Tập Tài liệu giảng dạy cho cán bộ công chức tại **Ninh Thuận** năm xuất bản tháng 7 năm 2007 :*

-Giếng cổ người Chăm.- Nước và quan niệm của người Chăm. -Rừng đầu nguồn và quan niệm của người Chăm xưa.

-Người Chăm và biển. -Khu đền tháp Mỹ Sơn. -Gạo trong lòng đất, vàng trong bàn tay.

-Thổ cẩm Chăm. -Lời kêu gọi tập thể dục. - Sức đề kháng của con người.

-Người cùng Kút (nghĩa trang Chăm) -Chẻ đũa.

-Hàng tu sĩ Chăm. -Chăm Ahier Chăm Awal. -Giúp mẹ.

-Nhà truyền thống người Chăm. -Quê em

*+Tập Tài liệu giảng dạy cho cán bộ công chức tại **BìnhThuận**, 2009:*

-Bình Thuận quê hương tôi. -Khái quát về lịch Chăm (cách tính, phương thức và quy tắc)

-Làng thổ cẩm Chăm. –Làng gốm gọ Bình Đức. –Làng Chăm Bình Thuận (Hàm Thuận Bắc)

–Làng Chăm Bình Thuận (Bắc Bình) –Làng Chăm Bình Thuận (Tuy Phong)

-Tiếng Chăm căn bản của Thuận Ngọc Liêm do Sở Giáo Dục&Đào Tạo Ninh Thuận, 1999:

-Tục ngữ, ca dao: Về luân lý đạo đức

-Thơ cổ: Chăm – Bà-ni (trích đoạn 1 và 2)

*- **Tài liệu tự học tiếng Chăm** của nhóm biên soạn: Nguyễn Thị Thu Huyền-Bùi Văn Thành-Lộ Minh Trại-Vũ Thị Đào, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, 2014:*

-Tục ngữ, ca dao, đồng dao Chăm.

+Sinh nhật cây xương rồng-Inrasara, NXB Văn hóa Dân tộc,2004.

+Thơ ba anh em (Phú Đạm, Inrasara, Jaya Thuksiam) NXB Văn Nghệ TPHCM,2014.

+Cổ tích trong lâu đài-Trà ma Hani, NXB- Kim Đồng,2004.

+ Sử thi, truyền thuyết, sấm ký, thơ tự do.

+Bảng dịch Tiếng Chăm sang Tiếng Việt và dịch Tiếng Việt sang Tiếng Chăm.

+ Giải thích thuật ngữ chuyên môn (có minh họa bằng Tiếng Chăm sắp xếp theo thứ tự A,B, C,…)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
MÔN TIẾNG ÊĐÊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC .....
II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH .....
III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH .....
IV.CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH .....
V. YÊU CẦU CẦN ĐẠT .....
VI. NỘI DUNG GIÁO DỤC .....
VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC .....
VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC .....
IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH .....
X. DANH MỤC VĂN BẢN (NGỮ LIỆU) GỢI Ý LỰA CHỌN .....

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Môn Tiếng Êđê là môn học tự chọn được tổ chức giảng dạy từ cấp Tiểu học đến cấp Trung học phổ thông. Môn học này có vai trò giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng Tiếng Êđê, hình thành và phát triển những phẩm chất nhân văn, bồi dưỡng sự trân trọng và ý thức bảo tồn ngôn ngữ, văn hóa dân tộc Êđê, trong quan hệ với các dân tộc anh em khác.

Nội dung cốt lõi của môn Tiếng Êđê bao gồm kiến thức Tiếng Êđê và kiến thức văn hóa dân tộc Êđê. Kiến thức ngôn ngữ: ngữ âm và chữ viết, từ vựng, ngữ pháp được lựa chọn phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh thuộc các lớp từ thấp đến cao và được tích hợp trong quá trình rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản. Môn học cung cấp kiến thức ngôn ngữ, tri thức văn hóa, xã hội liên quan đến các chủ đề, chủ điểm và rèn luyện kĩ năng giao tiếp Tiếng Êđê, tạo lập khả năng vận dụng ngôn ngữ toàn diện của học sinh. Nội dung của các năm học được xây dựng theo hệ thống các chủ đề, chủ điểm phù hợp với lứa tuổi của học sinh ở từng cấp học.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình tuân thủ và chi tiết hóa các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông về định hướng chung cho tất cả các môn và định hướng xây dựng chương trình môn Tiếng dân tộc thiểu số.

2. Chương trình được xây dựng trên nền tảng lí luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục, ngôn ngữ học; nền tảng ngôn ngữ, văn hóa Êđê; kế thừa kinh nghiệm xây dựng các chương trình tiếng Dân tộc thiểu số của Việt Nam.

3. Chương trình được biên soạn theo đường hướng giao tiếp, đảm bảo hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ cho học sinh thông qua các hoạt động giao tiếp: nghe, nói, đọc, viết. Kiến thức về tiếng Êđê (ngữ âm, từ ngữ vựng, ngữ pháp, chính tả), về văn hóa và xã hội là những phương tiện để hình thành và phát triển các kĩ năng giao tiếp bằng Tiếng Êđê.

4. Chương trình được thiết kế theo cách tiếp cận chuẩn đầu ra thể hiện qua việc quy định các yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) cho mỗi bậc học và mỗi năm học đảm bảo tính liên thông, tiếp nối giữa Bậc A và Bậc B, giữa các năm học của từng bậc học của môn Tiếng Êđê.

5. Chương trình tích hợp với nội dung có liên quan của các môn học khác trong Chương trình giáo dục phổ thông. Học sinh nắm bắt kiến thức tiếng Êđê thông qua các hoạt động thực hành kĩ năng ngôn ngữ.

6. Chương trình đảm bảo tính linh hoạt phù hợp với tính chất môn tự chọn, phù hợp với nhiều cách thức tổ chức, nhiều khoảng thời gian khác nhau thực hiện chương trình.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Môn Tiếng Êđê giúp học sinh khám phá kiến thức mới để hình thành các kĩ năng nghe – nói – đọc – viết tiếng Êđê. Đồng thời, môn học giúp cho học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính; có tình yêu đối với tiếng Êđê và văn hóa truyền thống của người Êđê; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam nói chung và văn hóa dân tộc Êđê nói riêng; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

Góp phần giúp học sinh phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn Tiếng Êđê giúp học sinh phát triển năng lực ngôn ngữ: rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về Tiếng Êđê, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các văn bản thông dụng bằng Tiếng Êđê; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản nghệ thuật của dân tộc Êđê nói riêng và trong cuộc sống nói chung.

Cung cấp kiến thức Tiếng Êđê nhằm phát triển hoàn thiện năng lực ngôn ngữ cho học sinh. Hình thành và phát triển ở học sinh các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết Tiếng Êđê trên cơ sở nắm được quan hệ chữ - âm vần, vốn từ phổ thông, các đặc điểm ngữ pháp, tu từ và cách thực hành giao tiếp văn bản, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy, giúp học sinh học tốt môn Ngữ văn và các môn văn hóa khác trong trường học. Học sinh có được kĩ năng sử dụng Tiếng Êđê vào thực tiễn trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội địa phương.

Thông qua ngôn ngữ, cung cấp kiến thức văn hóa của dân tộc Êđê giúp học sinh hiểu biết về văn hóa dân tộc, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu Tiếng Êđê, ý thức về việc bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc; có khả năng tiếp

thu tinh hoa văn hóa các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam; có ý thức công dân và tinh thần hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu Trình độ A1 (cấp Tiểu học)

Sau khi kết thúc trình độ A1, học sinh có thể nghe, nói vững chắc và đọc, viết cơ bản, cụ thể là: nghe hiểu ý kiến người nói, hiểu những từ ngữ đơn giản thuộc chủ điểm gần gũi với đời sống hàng ngày của học sinh và những từ ngữ khó trong văn bản; nói rõ ràng thành câu hoàn chỉnh, biết sử dụng phù hợp các nghi thức lời nói trong giao tiếp thông dụng; đọc đúng, rõ ràng văn bản ngắn, hiểu được nội dung, thông tin chính của văn bản; viết đúng chính tả, ngữ pháp; dựa vào hệ thống câu hỏi hoặc tranh gợi ý, viết được đoạn văn ngắn kể lại chuyện đã đọc, đã nghe, tham gia hoặc chứng kiến; viết được đoạn văn giới thiệu về bản thân và người xung quanh, giới thiệu về trò chơi dân gian, món ăn truyền thống của dân tộc Êđê.

2.2. Mục tiêu Trình độ A2 (cấp Trung học cơ sở)

Sau khi kết thúc trình độ A2, học sinh có thể nghe, nói thành thạo và đọc, viết vững chắc, cụ thể là: Nghe hiểu ý kiến người nói/ viết với thái độ phù hợp, hiểu những từ ngữ thuộc chủ điểm gần gũi với đời sống hàng ngày và những từ ngữ khó trong văn bản; diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, biết bày tỏ ý kiến, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề nào đó phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp và cách thức biểu đạt của ngôn ngữ Êđê; đọc rõ ràng, mạch lạc các văn bản, hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết, hiểu chủ đề của văn bản; viết được bài văn miêu tả (đồ vật, cây cối, con người, vật nuôi, phong cảnh, cảnh sinh hoạt), bài văn giới thiệu về một số lễ hội của dân tộc Êđê và các dân tộc ở Tây Nguyên.

2.3. Mục tiêu Trình độ B (cấp Trung học phổ thông)

Sau khi kết thúc trình độ B, học sinh có thể nghe - nói - đọc - viết thành thạo, cụ thể là: Nghe và nắm bắt được nội dung bài thuyết trình, nhận biết được tính thuyết phục và quan điểm của người nói/ viết; nói/ viết thành thạo, lưu loát, biết thuyết minh về các chủ đề, chủ điểm gắn với văn hóa, xã hội của địa phương; đọc thành thạo, diễn cảm, thể hiện đúng giọng điệu theo nội dung văn bản, hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn bản, từ đó hiểu được thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc; nhận biết được các thể loại văn bản thuộc văn nghệ dân gian Êđê

và một số biện pháp tu từ đặc trưng; viết thành thạo kiểu văn bản thuyết minh về các chủ đề thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội địa phương; văn bản giới thiệu về một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê như: nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu, nghề truyền thống, nghi lễ tiêu biểu gia đình và cộng đồng người Êđê.

IV.CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

1. Cấu trúc

Cấu trúc Chương trình môn Tiếng Êđê theo bậc và trình độ. Chương trình Tiếng Êđê trong trường phổ thông gồm 02 bậc (Bậc A, Bậc B) cơ cấu bằng 03 trình độ chuẩn đầu ra:

– Bậc A có 02 trình độ: Trình độ A1 và Trình độ A2;

– Bậc B có 01 trình độ: Trình độ B.

2. Thời lượng chương trình

– Tổng thời lượng: 1085 tiết

– Phân phối chương trình:

+ Trình độ A1: 350 tiết

+ Trình độ A2: 420 tiết

+ Trình độ B: 315 tiết

3. Khung kế hoạch dạy học

Thời lượng chương trình			**Khung kế hoạch - dạy học**		
Bậc	*Trình độ*	*Năm*	*Tiểu học*	*THCS*	*THPT*
	A1	Năm thứ nhất – 70 tiết	Lớp 1		

A *770 tiết*	*350 tiết*	Năm thứ hai – 70 tiết	Lớp 2		
		Năm thứ ba – 70 tiết	Lớp 3		
		Năm thứ tư – 70 tiết	Lớp 4		
		Năm thứ năm – 70 tiết	Lớp 5		
	A2 *420 tiết*	Năm thứ nhất – 105 tiết		Lớp 6	
		Năm thứ hai – 105 tiết		Lớp 7	
		Năm thứ ba – 105 tiết		Lớp 8	
		Năm thứ tư – 105 tiết		Lớp 9	
B *315 tiết*	**B** *315 tiết*	Năm thứ nhất – 105 tiết			Lớp 10
		Năm thứ hai – 105 tiết			Lớp 11
		Năm thứ ba – 105 tiết			Lớp 12

4. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học. Tuy nhiên, cần đảm bảo tỉ lệ hợp lí giữa các thành phần sau:

– Giữa trang bị kiến thức và rèn luyện kĩ năng (trọng tâm là rèn luyện kĩ năng thực hành, vận dụng).

– Giữa các kiểu, loại văn bản dùng ngữ liệu để đọc, viết, nói, nghe (dành tỉ lệ thời lượng phù hợp cho các kiểu loại văn bản văn học, văn bản thông tin, văn bản nghị luận):

Trình độ	Văn bản văn học	Văn bản thông tin	Văn bản nghị luận
A1	Khoảng 40%	Khoảng 60%	
A2	Khoảng 40 %	Khoảng 60%	
B	Khoảng 40%	Khoảng 30%	20%

– Thời lượng dành cho các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, kiến thức Tiếng Êđê ở từng trình độ như sau:

Trình độ	Đọc	Viết	Nói và nghe	Kiến thức tiếng Êđê
A1	Khoảng 50%	Khoảng 25%	Khoảng 15%	10%
A2	Khoảng 40 %	Khoảng 30 %	Khoảng 40 %	10%
B	Khoảng 30%	Khoảng 40%	Khoảng 40%	15%

V. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung

Môn Tiếng Êđê giúp học sinh phát triển năng lực ngôn ngữ: rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về Tiếng Êđê, phát triển tư duy hình tượng và tư duy logic, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các văn bản thông dụng bằng Tiếng Êđê; biết tiếp nhận, đánh giá các văn bản, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mĩ của dân tộc Êđê nói riêng và trong cuộc sống nói chung. Chương trình môn Tiếng Êđê còn hướng tới sự hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, tích cực học hỏi, tự hào về truyền thống văn hóa dân tộc và các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Sau khi hoàn thành chương trình, học sinh cần phải thành thục những kĩ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết

bằng Tiếng Êđê và có sự hiểu biết về văn hóa dân tộc Êđê thông qua ngôn ngữ, với các mức độ phù hợp được được quy định cho từng trình độ.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

2.1. Yêu cầu cần đạt về kĩ năng Tiếng Êđê

2.1.1. Nghe hiểu

Bậc A		**Bậc B**
Trình độ A1	**Trình độ A2**	**Trình độ B**
Nghe hiểu được những từ ngữ, câu đơn giản có trong bài học; nghe hiểu nội dung văn bản đơn giản.	Nghe hiểu được những từ ngữ thuộc chủ điểm gần gũi với đời sống hàng ngày của học sinh; nghe hiểu một số từ ngữ khó có trong văn bản; nghe hiểu nội dung văn bản tương đối phức tạp.	Nghe hiểu được những từ ngữ theo chủ điểm thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội bằng tiếng Êđê; nghe hiểu nội dung văn bản phức tạp.
Nghe hiểu những chi tiết quan trọng của văn bản, nắm bắt được diễn biến và nội dung chính của những câu chuyện đơn giản phù hợp với lứa tuổi.	Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện. Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.	Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, nhận biết được tính thuyết phục và quan điểm của người nói, biết nhận xét về nội dung thuyết trình. Lĩnh hội được nội dung và ý nghĩa của lời nói vần bằng tiếng Êđê thông qua ngữ điệu và các biện pháp tu từ khác.

2.1.2. Nói (hội thoại)

Bậc A		Bậc B
Trình độ A1	**Trình độ A2**	**Trình độ B**
Sử dụng được các nghi thức lời nói trong giao tiếp hàng ngày (chào hỏi, chia tay, xin phép, cảm ơn, xin lỗi); biết đặt câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi.	Nói thành thạo về những nội dung thuộc chủ điểm gần gũi với cuộc sống.	Nói thành thạo, lưu loát về những nội dung thuộc các chủ điểm về lĩnh vực văn hóa, xã hội.
Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp. Biết nói lời giới thiệu ngắn về bản thân, gia đình, tổ, lớp, trường.	Phát biểu ý kiến rõ ràng, mạch lạc, bày tỏ ý kiến, suy nghĩ của bản thân về một vấn đề nào đó.	Trình bày được lí lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống.
Biết kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe; chuyện bản thân đã được chứng kiến hoặc tham gia (theo câu hỏi gợi ý).	Biết giới thiệu về bản thân và gia đình. Biết miêu tả về đồ vật, cây cối, con người, vật nuôi, phong cảnh, cảnh sinh hoạt.	Biết thuyết minh về các chủ đề, chủ điểm gắn với văn hóa, xã hội của địa phương.
Biết dựa vào gợi ý để nói câu giới thiệu về văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê và các dân tộc ở Tây nguyên như: món ăn, trò chơi dân gian. Biết gọi tên trang phục, đồ dùng và vật dụng truyền thống dân tộc Êđê.	Biết giới thiệu một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê và các dân tộc ở Tây nguyên về: trang phục, đồ dùng, vật dụng thường dùng, lễ hội. Biết giới thiệu về một số phong cảnh đẹp ở địa phương và một số nghệ	Biết thuyết minh một số nét văn hóa truyền thống và hiện đại của dân tộc Êđê và ở Tây nguyên về: nghi lễ tiêu biểu gia đình và cộng đồng người Êđê, văn hóa cồng chiêng; kiến trúc nhà dài; nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu (nhạc cụ, dân ca, dân vũ).

	nhân, anh hùng, nhân sĩ, trí thức tiêu biểu của các dân tộc ở Tây Nguyên.	
Nói rõ ràng, thành câu hoàn chỉnh. Biết tạo tương tác với người đối diện trong giao tiếp, có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người, biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi thực hành nói.	Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi thực hành nói theo các chủ điểm. Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe.	Trình bày vấn đề một cách tự tin, có sức thuyết phục, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Biết tham gia hội thoại, có chủ kiến và thái độ tranh luận phù hợp.

2.1.3. Đọc

Bậc A		**Bậc B**
Trình độ A1	**Trình độ A2**	**Trình độ B**
Đọc đúng, rõ ràng từ, âm, vần, ngữ và câu; các từ có chứa các tổ hợp phụ âm và vần khó trong tiếng Êđê; đoạn văn hoặc văn bản ngắn.	Đọc rõ ràng, mạch lạc các văn bản.	Đọc thành thạo, diễn cảm, thể hiện đúng ngữ điệu theo nội dung văn bản.
Đọc hiểu nghĩa các từ ngữ đơn giản theo các chủ điểm gần gũi với học sinh. Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ khó có trong văn bản.	Đọc hiểu nghĩa các từ ngữ theo các chủ điểm gần gũi với học sinh. Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ khó có trong văn bản.	Đọc hiểu được nghĩa các từ ngữ theo các chủ điểm về văn hóa, xã hội.

Tham gia trò chơi đóng vai theo nội dung văn bản đã được học.	Học thuộc lòng những đoạn văn vần yêu thích.	Học thuộc lòng và diễn tả những bài văn vần yêu thích.
Dựa vào gợi ý, nhận biết được những chi tiết quan trọng của văn bản, diễn biến của văn bản truyện đơn giản, nắm được chủ đề, ý nghĩa của văn bản.	Hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn bản tương đối phức tạp.	Hiểu được nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn bản theo nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, từ đó hiểu được thông điệp tác giả muốn gửi gắm đến người đọc. Biết tóm lược văn bản.
Nhận biết được hình dáng, hành động, lời nói của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh.	Nhận biết được một số loại văn bản thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.	Nhận biết được chủ đề; những thông tin cơ bản; những thông tin chi tiết và mối liên hệ giữa các chi tiết với thông tin cơ bản.
Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc qua văn bản.	Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường.	Nhận biết được một số thể loại văn học dân gian Êđê.

2.1.4. Viết

Bậc A		**Bậc B**
Trình độ A1	**Trình độ A2**	**Trình độ B**

Nắm được những đặc điểm cơ bản về cách ghi tiếng Êđê. Viết đúng chính tả các chữ, từ có chứa các tổ hợp phụ âm và vần khó trong tiếng Êđê. Nắm được quy tắc viết dấu phụ và viết hoa tiếng Êđê.	Có kĩ năng viết chính tả tương đối nhanh và đúng.	Có kĩ năng viết chính tả thành thạo.
Biết viết câu văn theo đúng nội dung của câu hỏi gợi ý. Biết sửa lỗi dùng từ ngữ và chính tả trong câu văn. Biết liên kết các câu văn thành đoạn.	Biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết đoạn, bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Viết đoạn văn, bài văn có ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu của đề bài. Câu, đoạn có mối liên kết với nhau.	Viết đúng quy trình, có kết hợp các phương thức biểu đạt, có chủ kiến về một vấn đề xã hội. Bài viết thể hiện được cảm xúc, thái độ, những trải nghiệm và ý tưởng của cá nhân đối với những vấn đề đặt ra trong văn bản; thể hiện được một cách nhìn, cách nghĩ, cách sống mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Có kĩ năng thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế).
Dựa vào hệ thống câu hỏi, tranh gợi ý và thông tin đã thu thập viết được đoạn văn ngắn: giới thiệu về bản thân, gia đình, tổ, lớp, trường; kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe, đã tham	Viết bài hoàn chỉnh giới thiệu về bản thân và gia đình. Viết bài văn miêu tả (đồ vật, cây cối, con vật, người, phong cảnh, cảnh	Viết bài văn thuyết minh về các chủ đề, chủ điểm gắn với văn hóa, xã hội của địa phương.

gia hoặc chứng kiến.	sinh hoạt); viết đơn từ phổ biến, thông dụng (điền theo mẫu), viết thư.	
Biết dựa vào gợi ý để viết đoạn văn giới thiệu về văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê như: trò chơi dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên và một số món ăn truyền thống của dân tộc Êđê.	Biết viết bài văn giới thiệu một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê và ở Tây nguyên về: vật dụng, đồ dùng truyền thống của dân tộc Êđê;	Biết viết bài văn giới thiệu về một số lễ hội truyền thống (hoặc hiện đại) của dân tộc Êđê và các dân tộc ở Tây Nguyên. Biết viết thuyết minh một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê và ở Tây nguyên về: văn hóa cồng chiêng, nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu (nhạc cụ, dân ca, dân vũ); nghề truyền thống; một số cảnh vật đặc trưng ở buôn làng; nghi lễ tiêu biểu trong gia đình và cộng đồng người Êđê.

2.2. Yêu cầu cần đạt về kiến thức Tiếng Êđê

– Ngữ âm và chữ viết: Học sinh nắm được Bảng chữ cái Êđê (con chữ, dấu phụ) và cách ghi từ, âm (nguyên âm, phụ âm, tổ hợp phụ âm), vần.

– Chính tả: Học sinh nắm được quy tắc chính tả; viết đúng những từ có chứa các tổ hợp phụ âm và vần khó trong tiếng Êđê; biết viết chính tả theo các hình thức nhìn – viết, nghe – viết, nhớ - viết đoạn văn (Độ dài của đoạn văn và tốc độ viết chính tả được quy định cụ thể theo từng trình độ).

– Từ vựng: Học sinh hiểu nghĩa của từ ngữ và cách dùng; củng cố, mở vốn từ vựng theo hệ thống chủ đề, chủ điểm trong giao tiếp thông thường và về các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

– Ngữ pháp: Học sinh nhận diện ngữ pháp Tiếng Êđê thông qua văn bản và hoạt động rèn luyện thực hành ngôn ngữ về từ loại, các kiểu câu, cấu trúc câu và một số biện pháp tu từ.

– Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: Học sinh nhận diện được phương ngữ, từ ngữ vay mượn, từ ngữ mới và nghĩa mới của từ ngữ, chữ viết Tiếng Êđê, trong đó có văn bản đa phương thức (ngôn ngữ trong sự kết hợp với hình ảnh, kí hiệu, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...) như là một biến thể của giao tiếp ngôn ngữ.

– Thông qua ngôn ngữ và hình ảnh, học sinh hiểu biết được một số nét văn hóa của dân tộc Êđê và các dân tộc ở Tây Nguyên. Từ đó, có lòng tự hào, yêu quý và nâng cao ý thức bảo tồn, phát triển bản sắc văn hóa của dân tộc mình; có nhận thức và thái độ đúng về mối liên hệ và tác động văn hóa của dân tộc đối với đời sống của cá nhân, cộng đồng.

2.3. Ngữ liệu

a.Tiêu chí chọn ngữ liệu

Trong môn Tiếng Êđê, ngữ liệu là một bộ phận cấu thành của nội dung giáo dục, góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất và năng lực được nêu trong chương trình. Chương trình chỉ nêu định hướng về các kiểu văn bản và thể loại được dạy ở từng lớp; riêng ở cấp tiểu học có quy định độ dài của văn bản.

Để đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh, ngữ liệu được lựa chọn bảo đảm các tiêu chí sau:

– Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình.

–Từ ngữ dùng làm ngữ liệu dạy tiếng ở cấp tiểu học được chọn lọc trong phạm vi vốn từ ngữ văn hoá, có ý nghĩa tích cực, bảo đảm mục tiêu giáo dục phẩm chất, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thẩm mĩ và phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm – sinh lí của học sinh ở từng lớp học, cấp học.

– Có giá trị ngôn ngữ thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc Êđê.

b.Gợi ý phạm vi chọn ngữ liệu

Nguồn ngữ liệu chủ yếu được lấy từ ngôn ngữ thông dụng, văn bản nhật dụng, văn học viết của người Êđê, văn học dân gian Êđê (Truyện cổ; Lời nói vần; Sử thi; Luật tục); văn học dân gian truyền miệng, văn bản nhật dụng, âm nhạc, báo, đài… phản ánh đời sống, con người, văn hóa của dân tộc Êđê.

Ngoài ra, nguồn ngữ liệu còn được lấy từ một số văn bản, tác phẩm có giá trị đặc sắc về văn học, văn hóa của các dân tộc anh em khác trên đất nước Việt Nam.

Ưu tiên lựa chọn văn bản có lớp từ ngữ thuần Êđê hơn là văn bản dịch hoặc văn bản có nhiều từ ngữ vay mượn.

VI. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Nội dung dạy học được xác định trên các yêu cầu cần đạt chung của mỗi lớp, gồm: hoạt động nghe, nói, đọc, viết; kiến thức Tiếng Êđê, gợi ý ngữ liệu lựa chọn cho từng năm học.

2. Nội dung cụ thể

2.1. Trình độ A1

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Năm học thứ 1	
I. NGHE – Phân biệt được sự khác biệt các âm (nguyên âm, phụ âm, tổ hợp hai phụ âm), vần (vần có một nguyên âm và vần có tổ hợp gồm hai âm), từ, câu có trong bài học. – Nghe nhận biết được các tiếng kết thúc bằng các âm, vần, có sự khác biệt với tiếng Việt như: nguyên âm có dấu "trăng	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Âm, vần, chữ – Toàn bộ nguyên âm và phụ âm (19 nguyên âm, 19 phụ âm). – Tổ hợp phụ âm: Khoảng 40% tổng số tổ hợp hai phụ âm có trong tiếng Êđê.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
khuyết ngược" (ŏ, ŏ, ŏ, ĕ, ĕ, ĭ, ŭ, ŭ); – Nghe hiểu nghĩa từ khóa, từ ứng dụng, câu ứng dụng trong bài học. **II. NÓI** – Nói từ ngữ, câu theo nội dung của tranh minh họa. – Gọi tên và nói câu đơn giản về trang phục, đồ dùng và vật dụng truyền thống của dân tộc Êđê. – Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những thông tin đơn giản. **III. ĐỌC** **1. Kĩ thuật đọc** – Đọc đúng âm (nguyên âm, phụ âm, tổ hợp hai phụ âm), vần (vần có một nguyên âm và vần có tổ hợp gồm hai âm), từ, câu có trong bài học (ở mức độ tương đối với một số trường hợp ngoại lệ). – Đọc đúng các âm khác với tiếng Việt: + Đọc đúng các âm viết và đọc khác tiếng Việt: ē, ĕ, ĭ, ŏ, ŏ, ŭ, ŭ, j. + Đọc đúng các âm viết giống nhưng đọc khác với tiếng Việt: b, d, k, y, s.	– Vần: + Vần có một nguyên âm. + Vần là một tổ hợp gồm hai âm (khoảng 35% tổng số vần có hai âm có trong tiếng Êđê). – Chữ: chữ cái Êđê, giới thiệu chữ cái in hoa. 2. Quy tắc chính tả Phân biệt các dấu phụ: – Đối với các nguyên âm khác với tiếng Việt: Dấu trăng khuyết (˘) trên các nguyên âm: a, o, ơ, e, ê, i, u, ư. – Đối với các phụ âm khác với tiếng Việt: Dấu gạch ngang trên âm b (ƀ), dấu gạch ngang giữa hai nguyên âm (-): ê-i, ê-ăt, …, dấu phụ trên âm n và c (ñ, č). 3.Vốn từ ngữ theo chủ điểm: Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (theo các từ khóa được học). 4. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi: đánh dấu kết thúc câu. 5. Hội thoại: Luyện nói theo tranh. 6.Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
+ Đọc đúng các âm viết khác nhưng đọc giống tiếng Việt: b, č, ñ, w. – Đọc đúng các vần viết giống nhưng đọc khác tiếng Việt: ua (oa), ia (ê-a). – Đọc đúng các nguyên âm đôi khác với tiếng Việt: aê, êa, ei. – Đọc đúng các tiếng kết thúc bằng các nguyên âm có dấu trăng khuyết ngược: ŏ, ŏ, ŏ, ĕ, ĕ, ĭ, ŭ, ŭ. – Nhận diện chữ cái in hoa. **2. Đọc hiểu** **2.1. Đọc hiểu nội dung** – Gọi tên sự vật, sự việc trong tranh. – Hiểu được nghĩa các từ, câu ứng dụng có trong học trong bài. **2.2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận diện sự tương đồng, khác biệt về cách đọc, cách viết một số âm, vần giữa tiếng Êđê và tiếng Việt. – Hiểu được tranh minh họa kết nối với các từ, câu ứng dụng trong bài học. **2.3. Liên hệ, so sánh, kết nối**	phi ngôn ngữ). **NGỮ LIỆU** 1. Bảng chữ cái tiếng Êđê. 2. Từ khóa, câu ứng dụng có chứa âm, vần, tiếng, từ ngữ có liên quan trong bài học. 3. Hình ảnh: trang phục, đồ dùng, vật dụng truyền thống của dân tộc Êđê (có kèm lời giải thích).

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Ứng dụng kiến thức ngữ âm đã học trong việc rèn kĩ năng nói và viết đúng. – Ứng dụng trong việc gọi đúng tên và có thái độ, tình cảm đối với trang phục, đồ dùng và vật dụng truyền thống trong sinh hoạt của dân tộc Êđê. **IV. VIẾT** **1. Kĩ thuật viết** –Viết đúng chữ viết thường. – Đặt dấu phụ đúng vị trí trên các chữ ghi nguyên âm, phụ âm. –Viết đúng và đủ nét các con chữ. **2. Viết âm, từ** **2.1. Quy trình viết** – Quan sát hướng dẫn quy trình viết đúng và đủ các nét và dấu phụ (nếu có) của các con chữ. – Biết lưu ý về một số từ ngữ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. **2.1. Thực hành viết** Viết các con chữ, tiếng, từ ngữ đã được học theo hình thức nhìn chép và nghe viết.	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Năm học thứ 2	
I. NGHE – Nghe nhận biết âm (tổ hợp phụ âm), vần (vần có một âm và vần là một tổ hợp gồm hai âm trở lên), tiếng, từ, câu có trong bài học. – Nghe nhận biết được các tiếng có chứa vần kết thúc bằng âm h: oh, ôh, ơh, eh, ih, uh, ưh. – Nghe hiểu nghĩa từ khóa, từ ngữ ứng dụng, câu ứng dụng trong bài học. **II. NÓI** – Nói câu theo đúng nội dung gợi ý của tranh minh họa. – Biết nói và đáp lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, xin phép và thể hiện cảm xúc phù hợp với ngữ cảnh. – Biết nói câu giới thiệu về bản thân, gia đình. – Nói câu đơn giản giới thiệu về trang phục, đồ dùng, vật dụng truyền thống trong sinh hoạt của dân tộc Êđê. – Biết tạo sự tương tác với người đối diện trong giao tiếp. **III. ĐỌC** **1. Kĩ thuật đọc** – Đọc đúng âm (tổ hợp phụ âm), vần (vần có một âm và vần	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Âm, vần, chữ – Tổ hợp phụ âm: Toàn bộ số tổ hợp hai phụ âm còn lại (khoảng 60%), toàn bộ tổ hợp ba phụ âm trở lên và một số phụ âm, tổ hợp phụ âm khó có trong tiếng Êđê. – Vần: + Vần là một tổ hợp gồm hai âm (khoảng 65%). + Vần là một tổ hợp gồm có ba âm trở lên và các vần khó có trong tiếng Êđê. – Chữ: Chữ cái tiếng Êđê. 2. Quy tắc viết hoa chữ cái đầu câu. 3. Vốn từ theo chủ điểm: Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm gần gũi (theo các từ khóa được học). 4. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than: đánh dấu kết thúc câu; dấu phẩy: tách các bộ phận đồng chức trong câu. 5. Nghi thức lời nói: Nói lời chào hỏi, chia tay, cảm

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
là một tổ hợp gồm hai âm trở lên), tiếng, từ, câu có trong bài học. – Đọc đúng vần viết giống nhưng đọc khác tiếng Việt: ông (ô- ng). – Đọc đúng các tiếng có chứa vần kết thúc bằng âm h: oh, ôh, ơh, eh, ih, uh, ưh. **2. Đọc hiểu** **2.1. Đọc hiểu nội dung** – Gọi tên sự vật, sự việc trong tranh. – Hiểu được nghĩa các từ, câu ứng dụng có trong học trong bài. **2.2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận diện sự tương đồng, khác biệt về cách đọc, cách viết một số âm, vần giữa tiếng Êđê và tiếng Việt. – Hiểu được tranh minh họa kết nối với các từ, tiếng trong bài học. **2.2. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Liên hệ để so sánh điểm giống và khác nhau giữa các con chữ trong bảng chữ cái Êđê và tiếng Việt. – Ứng dụng các con chữ đã học trong việc rèn kĩ năng nói và	ơn, xin lỗi, xin phép. 6. Hội thoại: – Luyện nói theo tranh. – Nói câu giới thiệu về bản thân, gia đình. 7. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). **NGỮ LIỆU** 1. Bảng chữ cái tiếng Êđê. 2. Từ khóa, câu ứng dụng có chứa âm, vần, từ, tiếng có liên quan trong bài học. 3. Hình ảnh: trang phục, đồ dùng, vật dụng truyền thống của dân tộc Êđê (ở dưới có kèm lời giải thích).

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
viết đúng. – Ứng dụng trong việc gọi đúng tên; có thái độ, tình cảm đối với trang phục, đồ dùng và vật dụng truyền thống trong sinh hoạt của người Êđê. **IV. VIẾT** **1. Kĩ thuật viết** – Viết đúng chữ viết thường, viết hoa chữ cái đầu câu. – Đặt dấu phụ đúng vị trí trên các nguyên âm, phụ âm. – Viết đúng và đủ nét các con chữ, đặc biệt là các con chữ khác Tiếng Việt. **2. Viết âm, từ** **2.1. Quy trình viết** – Quan sát hướng dẫn quy trình viết đúng và đủ các nét và dấu phụ (nếu có) của các con chữ. – Biết lưu ý về một số từ ngữ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. **2.2. Thực hành viết** Viết các con chữ, tiếng, từ, đã được học theo hình thức nhìn chép và nghe viết.	
Năm học thứ 3	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE – Nghe hiểu những từ, cụm từ thông dụng, quen thuộc có trong chủ điểm. – Nghe hiểu các từ ngữ khó có trong văn bản. – Nghe và hiểu nội dung cuộc đối thoại. **II. NÓI** – Nói câu theo nội dung tranh minh họa. – Biết nói câu giới thiệu về chủ đề trường, lớp (dựa trên câu hỏi hoặc tranh gợi ý). – Biết tạo sự tương tác với người đối diện trong giao tiếp. **III. ĐỌC** **1. Kĩ thuật đọc** – Đọc đúng, rõ ràng các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, lời nói vần, văn bản thông tin ngắn; tốc độ đọc khoảng 10 – 20 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ, lời nói vần. – Nhận diện điểm giống và khác nhau giữa các con chữ trong bảng chữ cái Êđê và bảng chữ cái tiếng Việt. – Bước đầu phân biệt được lời nhân vật trong đối thoại và lời người kể chuyện trong văn bản truyện để đọc với ngữ	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Quy tắc chính tả Quy tắc viết tên riêng và địa danh của người Êđê (dấu hiệu nhận biết giới tính thông qua tên gọi; nét đặc trưng trong tên gọi địa danh) của dân tộc Êđê. 2. Bảng chữ cái Êđê 3. Vốn từ theo chủ điểm gần gũi với cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi học sinh 4. Danh từ – Danh từ riêng và các danh từ chung. – Các danh từ chỉ đơn vị. 5. Câu đơn và các thành phần chính trong câu. 6. Điền từ ngữ để hoàn thành câu (theo câu hoặc tranh gợi ý). 7. Hội thoại: Giới thiệu về chủ đề trường, lớp. 8. Thông tin bằng hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). **NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học**

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
điệu phù hợp. – Bước đầu biết đọc thầm để hiểu nội dung văn bản. **2. Đọc hiểu** **2.1. Đọc hiểu nội dung** – Hiểu nghĩa các từ, cụm từ đơn giản theo các chủ điểm gần gũi với cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi học sinh. – Biết hỏi và trả lời được câu hỏi trong nội dung văn bản như: Ai? Cái gì? con gì? **2.2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận biết được nhân vật thông qua ngôn ngữ văn bản. – Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. **2.3. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Vận dụng kiến thức tiếng Việt đã được học để nhận diện danh từ, câu đơn, chủ ngữ, vị ngữ trong văn bản tiếng Êđê. – Nhận diện được nét khác biệt về danh từ tiếng Êđê so với tiếng Việt. – Liên hệ thực tế gọi đúng tên một số địa danh dân tộc Êđê. **IV. VIẾT** **1. Kĩ thuật viết**	1.1. Văn bản văn học dân gian – Văn học dân gian Êđê. + Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ, câu đố. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam. 1.2. Văn bản văn học viết * Độ dài của văn bản: truyện và đoạn văn miêu tả khoảng 75 - 95, lời nói vần khoảng 45 – 65 chữ. **2. Văn bản thông tin** – Giới thiệu những sự vật, sự việc gần gũi với học sinh về bản thân, gia đình, trường lớp. – Độ dài của văn bản: khoảng 70 - 90 chữ. **3. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Viết thành thạo chữ viết thường, biết viết chữ hoa tiếng Êđê (những chữ khác với Tiếng Việt). – Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người và địa danh tiếng Êđê. – Viết đúng chính tả đoạn văn bản có độ dài khoảng 25 - 35 chữ theo hình thức Nhìn – viết (tập chép). Viết đúng một số từ ngữ trong bài học do ảnh hưởng đặc điểm phương ngữ. Tốc độ viết khoảng 25 - 35 chữ trong 15 phút. – Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. **2. Viết câu, đoạn văn ngắn** **2.1. Quy trình viết** – Dựa vào gợi ý để hoàn chỉnh câu hoặc viết câu. – Viết câu hoàn chỉnh theo mẫu câu đơn (đầy đủ các thành phần chính của câu: chủ ngữ và vị ngữ). **2.2. Thực hành viết** – Điền được phần thông tin còn trống, viết được câu trả lời, viết câu dưới tranh phù hợp với nội dung câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. – Điền được phần thông tin còn trống để hoàn chỉnh câu giới thiệu bản thân, gia đình, trường lớp dựa trên gợi ý.	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Năm học thứ 4	
I. NGHE – Nghe hiểu các từ ngữ khó có trong văn bản. – Nghe hiểu được những chi tiết quan trọng trong văn bản. **II. NÓI** – Biết kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe (theo câu hỏi gợi ý). – Biết nói câu giới thiệu một số về trò chơi dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên (dựa trên câu hỏi hoặc tranh gợi ý). – Biết trình bày trước nhóm tổ, lớp với thái độ tự tin. **III. ĐỌC** **1. Kĩ thuật đọc** – Đọc đúng và trôi chảy các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, lời nói vần, văn bản thông tin ngắn; tốc độ đọc khoảng 20 – 30 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ, lời nói vần. – Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật. – Đọc thầm để hiểu nội dung văn bản. **2. Đọc hiểu**	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Vốn từ theo chủ điểm gần gũi với cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi học sinh. 2. Động từ 3. Tính từ 4. Câu đơn và các thành phần phụ trong câu (trạng ngữ) 5. Đoạn văn – Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe (theo câu hỏi gợi ý). – Đoạn văn kể về trò chơi dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên mà em đã từng được xem hoặc tham gia (dựa trên câu hỏi hoặc tranh gợi ý). 6.Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). **NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học** 1.1. Văn bản văn học dân gian – Văn học dân gian Êđê.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
2.1. Đọc hiểu nội dung – Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ đơn giản theo các chủ điểm gần gũi với cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi học sinh. – Biết hỏi và trả lời được câu hỏi trong nội dung văn bản như: Ai? Cái gì? Làm gì? Như thế nào? Khi nào? Ở đâu? – Dựa vào gợi ý nhận biết được những chi tiết quan trọng của văn bản và nêu được nội dung chính của văn bản đó. **2.2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận biết được hình dáng, hành động, lời nói của nhân vật qua ngôn ngữ và hình ảnh. – Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. **2.3. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Vận dụng kiến thức tiếng Việt đã được học để nhận diện tính từ, động từ và trạng ngữ trong câu đơn văn bản tiếng Êđê. – Nhận diện được nét khác biệt về vị trí từ ngữ chỉ mức độ của tính từ tiếng Êđê so với tiếng Việt. – Có thái độ, tình cảm tích cực đối với trò chơi dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên.	+ Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ, câu đố. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam. 2.1.Văn bản văn học viết * Độ dài của văn bản: truyện, đoạn văn miêu tả khoảng 100 -140 chữ, Lời nói vần: 70 – 90 chữ. **2. Văn bản thông tin** – Văn bản thông tin theo nội dung chủ đề, chủ điểm. – Văn bản giới thiệu về một số trò chơi dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên. – Độ dài của văn bản: khoảng 90 – 130 chữ. **3. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Nêu được nhân vật, câu chuyện, bài hoặc đoạn thơ mà mình yêu thích nhất và giải thích được vì sao. **2.4. Đọc mở rộng** Tham gia trò chơi đóng vai theo nội dung văn bản. **IV. VIẾT** **1. Kĩ thuật viết** – Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. – Nghe – viết chính tả đoạn văn bản có độ dài khoảng 40 – 60 chữ, tốc độ khoảng 40 – 60 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ ngữ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương. – Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. **2. Viết câu, đoạn văn ngắn** **2.1. Quy trình viết** – Dựa vào gợi ý để viết câu theo đúng nội dung. – Sửa lỗi dùng từ ngữ và chính tả trong câu văn. – Liên kết các câu văn thành đoạn. **2.2. Thực hành viết** – Dựa vào hệ thống câu hỏi, tranh gợi ý và thông tin đã thu thập viết được đoạn văn 4 đến 5 câu kể lại câu chuyện đã	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
đọc, đã nghe. – Dựa vào hệ thống câu hỏi, tranh gợi ý và thông tin đã thu thập viết được đoạn văn kể về trò chơi dân gian của các dân tộc ở Tây Nguyên mà em đã từng được xem hoặc tham gia.	
Năm học thứ 5	
I. NGHE – Nghe hiểu các từ ngữ khó có trong văn bản. – Nghe hiểu được những chi tiết quan trọng trong văn bản. – Nghe nắm bắt được diễn biến nội dung câu chuyện phù hợp với lứa tuổi. **II. NÓI** – Biết nêu câu hỏi và trả lời theo mẫu câu khẳng định và phủ định. – Biết kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến (nhìn thấy, xem) hoặc tham gia (theo câu hỏi gợi ý). – Biết giới thiệu về một số món ăn truyền thống của dân tộc Êđê (dựa trên câu hỏi hoặc tranh gợi ý). – Biết trình bày trước nhóm tổ, lớp với thái độ tự tin. – Thể hiện ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói. **III. ĐỌC**	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Vốn từ theo chủ điểm gần gũi với cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi học sinh. 2. Phụ từ khẳng định và phủ định. 3. Câu khẳng định và phủ định. 4. Đoạn văn – Đoạn văn kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến (nhìn thấy, xem) hoặc tham gia (theo câu hỏi gợi ý). – Đoạn văn giới thiệu về một số món ăn truyền thống của dân tộc Êđê (dựa trên câu hỏi hoặc tranh gợi ý). 5. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ).

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Kĩ thuật đọc – Đọc đúng và trôi chảy các đoạn văn, câu chuyện, bài thơ, lời nói vần, văn bản thông tin ngắn; tốc độ đọc khoảng 30 – 50 tiếng trong 1 phút. Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu câu, chỗ ngắt nhịp thơ, lời nói vần. – Nhấn giọng đúng từ ngữ; thể hiện cảm xúc qua giọng đọc. – Đọc thầm để hiểu nội dung văn bản. **2. Đọc hiểu** **2.1. Đọc hiểu nội dung** – Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ đơn giản theo các chủ điểm gần gũi với các em. – Dựa vào gợi ý, nhận biết được những chi tiết quan trọng, diễn biến của văn bản truyện, nắm được chủ đề, ý nghĩa của văn bản. **2.2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ. – Nhận biết được ý tưởng, thông tin qua hình ảnh, ký hiệu, số liệu trong văn bản (gồm văn bản in hoặc văn bản điện tử). **2.3. Liên hệ, so sánh, kết nối**	**NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học** 1.1. Văn bản văn học dân gian – Văn học dân gian Êđê. + Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ, câu đố. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam. 1.2. Văn bản văn học viết * Độ dài của văn bản: truyện, đoạn văn miêu tả khoảng 160 -180 chữ, lời nói vần khoảng: 90 – 110 chữ. **2. Văn bản thông tin** – Văn bản thông tin theo nội dung chủ đề, chủ điểm. – Văn bản giới thiệu về một số món ăn truyền thống của dân tộc Êđê. – Độ dài của văn bản: khoảng 140 – 170 chữ. **3. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Vận dụng kiến thức tiếng Êđê đã có sẵn để nhận diện nét khác biệt của phụ từ khẳng định và phủ định tiếng Êđê so với tiếng Việt trong văn bản. – Kết nối việc vận dụng các phụ từ khẳng định và phủ định với bối cảnh giao tiếp thực tế. – Ứng dụng gọi đúng tên; có thái độ, tình cảm tích cực đối với một số món ăn truyền thống của dân tộc Êđê. – Nêu được nhân vật, câu chuyện, bài hoặc đoạn thơ mà mình yêu thích nhất và giải thích được vì sao. **2.4. Đọc mở rộng** – Tham gia trò chơi đóng vai theo nội dung văn bản. – Học sinh sáng tạo thêm vẽ tranh mô tả nội dung văn bản. **IV. VIẾT** **1. Kĩ thuật viết** – Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa. – Viết hoa chữ cái đầu câu, viết đúng tên người, tên địa lí phổ biến ở địa phương. – Nghe – viết, nhớ – viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 65 – 75 chữ, tốc độ khoảng 65 – 75 chữ trong 15 phút. Viết đúng một số từ ngữ dễ viết sai do đặc điểm phát	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
âm địa phương. – Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định. **2. Viết câu, đoạn văn ngắn** **2.1. Quy trình viết** – Dựa vào gợi ý để viết câu theo đúng nội dung. – Sửa lỗi dùng từ ngữ và chính tả trong câu văn. – Liên kết các câu văn thành đoạn. **2.2. Thực hành viết** – Dựa vào hệ thống câu hỏi, tranh gợi ý và thông tin đã thu thập viết được đoạn văn 5 đến 6 câu kể lại một sự việc bản thân đã chứng kiến (nhìn thấy, xem) hoặc tham gia. – Dựa vào hệ thống câu hỏi, tranh gợi ý và thông tin đã thu thập viết được đoạn văn 5 đến 6 câu giới thiệu về một số món ăn truyền thống của dân tộc Êđê.	

2.2. Trình độ A2

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Năm học thứ 6	

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
I. NGHE – Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện. – Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác. **II. NÓI** – Phát biểu ý kiến rõ ràng, mạch lạc về một nội dung theo gợi ý. – Miêu tả cây cối. – Giới thiệu về bản thân và gia đình. **III. ĐỌC** **1. Đọc hiểu nội dung** – Đọc rõ ràng, mạch lạc các văn bản. – Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ khó có trong văn bản. – Hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn bản theo nghĩa tường minh. **2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản giới thiệu cây cối, thông báo ngắn,...	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Vốn từ theo chủ điểm gần gũi với cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi học sinh. 2. Đại từ (nhân xưng, chỉ định). 3. Phụ từ (mệnh lệnh, thời gian). 4. Câu cầu khiến 5. Bài văn – Miêu tả cây cối. – Giới thiệu về bản thân và gia đình. **NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học** 1.1. Văn bản văn học dân gian – Văn học dân gian Êđê. + Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ, câu đố. + Sử thi. + Luật tục. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. **3. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Vận dụng kiến thức tiếng Êđê có sẵn và tiếng Việt đã được học để nhận diện đại từ, phụ từ mệnh lệnh và thời gian, câu cầu khiến trong văn bản tiếng Êđê. **4. Đọc mở rộng** – Một năm học, đọc tối thiểu 6 văn bản thông tin hoặc văn bản văn học có độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Học thuộc lòng những đoạn văn vần mà em yêu thích. **IV. VIẾT** **2.1. Quy trình viết** – Biết viết bài văn theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn văn, bài văn; viết đoạn văn, bài văn; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả). – Viết bài văn nội dung phù hợp với yêu cầu của đề bài. Câu, đoạn có mối liên kết với nhau. **2. 2.Thực hành viết**	1.2. Văn bản văn học viết **2. Văn bản nhật dụng** – Văn bản miêu tả cây cối. **3. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Viết bài văn miêu tả cây cối. – Viết bài văn giới thiệu về bản thân và gia đình.	
Năm học thứ 7	
I. NGHE – Nghe và hiểu chủ đề, những chi tiết quan trọng trong câu chuyện. – Ghi lại được những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến phát biểu của người khác. **II. NÓI** – Phát biểu ý kiến rõ ràng, mạch lạc về một nội dung theo chủ đề. – Miêu tả hình dáng, đặc điểm con người, vật nuôi. – Miêu tả vật dụng, đồ dùng truyền thống của dân tộc Êđê. **III. ĐỌC** **1. Đọc hiểu nội dung** – Đọc rõ ràng, mạch lạc các văn bản. – Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ khó có trong văn bản. – Hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Vốn từ theo chủ điểm gần gũi với cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi học sinh. 2. Đại từ (nghi vấn) 3. Câu nghi vấn 4. Bài văn – Miêu tả (con người, vật nuôi). – Miêu tả một vật dụng, đồ dùng truyền thống của dân tộc Êđê. **NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học** 1.1. Văn bản văn học dân gian – Văn học dân gian Êđê. + Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ, câu đố.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
bản theo nghĩa tường minh. **2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian. – Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. **3. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Vận dụng kiến thức tiếng Việt đã được học để nhận diện đại từ nghi vấn trong văn bản tiếng Êđê. – Nhận diện được nét đặc trưng về vị trí đại từ nghi vấn trong các mẫu câu hỏi tiếng Êđê. – Ứng dụng nhận diện nét đặc trưng của đồ dùng và vật dụng truyền thống của dân tộc Êđê. **4. Đọc mở rộng** – Một năm học, đọc tối thiểu 7 văn bản thông tin hoặc văn bản văn học có độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Học thuộc lòng những đoạn văn vần mà em yêu thích. **IV. VIẾT** **1. Quy trình viết**	+ Sử thi. + Luật tục. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam. 1.2. Văn bản văn học viết **2. Văn bản nhật dụng** – Văn bản miêu tả con người, vật nuôi. – Văn bản giới thiệu về một số vật dụng, đồ dùng truyền thống của dân tộc Êđê. **3. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Biết viết bài văn theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính cho đoạn văn, bài văn; viết đoạn, bài văn; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả). – Viết bài văn ý tưởng chính; phù hợp với yêu cầu của đề bài. Câu, đoạn có mối liên kết với nhau. **2. Thực hành viết** – Viết bài văn miêu tả con vật. – Viết bài văn miêu tả vật dụng, đồ dùng truyền thống của dân tộc Êđê.	
Năm học thứ 8	
I. NGHE – Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác. **II. NÓI** – Phát biểu ý kiến rõ ràng, mạch lạc về một nội dung theo chủ đề. – Miêu tả cảnh sinh hoạt trong đời sống hàng ngày. – Giới thiệu về một nhân vật tiêu biểu (Anh hùng, nhân sĩ, trí thức) người Tây Nguyên mà em yêu thích. **III. ĐỌC**	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Vốn từ theo chủ điểm gần gũi với cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi học sinh. 2. Số từ 3. Lượng từ 4. Quan hệ từ 5. Câu cảm thán. 6. Bài văn

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc hiểu nội dung – Đọc rõ ràng, mạch lạc các văn bản. – Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ khó có trong văn bản. – Hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn bản theo nghĩa tường minh. **2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận biết được bố cục của một văn bản thông tin thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối. – Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một sự việc, tờ khai đơn giản, … – Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. **3. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Vận dụng kiến thức tiếng Việt đã được học để nhận diện số từ, lượng từ, các quan hệ từ và dạng câu cảm thán trong văn bản tiếng Êđê. – Có tình yêu thương và lòng tự hào đối với các anh hùng, nhân sĩ, trí thức tiêu biểu người Tây Nguyên. **4. Đọc mở rộng**	– Miêu tả (cảnh sinh hoạt). – Giới thiệu về một nhân vật tiêu biểu (Anh hùng, nhân sĩ, trí thức) người Tây Nguyên mà em yêu thích. **NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học** 1.1. Văn bản văn học dân gian – Văn học dân gian Êđê. + Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ, câu đố. + Sử thi. + Luật tục. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam. 1.2. Văn bản văn học viết **2. Văn bản nhật dụng** – Văn bản miêu tả cảnh sinh hoạt. – Văn bản giới thiệu về một số nhân vật tiêu biểu (Anh hùng, nhân sĩ, trí thức) người Tây Nguyên. **3. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Một năm học, đọc tối thiểu 8 văn bản thông tin hoặc văn bản văn học có độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Học thuộc lòng những đoạn văn vần mà em yêu thích. **IV. VIẾT** **1. Quy trình viết** Biết viết bài văn theo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết đoạn, viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. **2. Thực hành viết** – Viết bài văn miêu tả về một cảnh sinh hoạt trong đời sống hàng ngày. – Viết bài giới thiệu về một nhân vật tiêu biểu (Anh hùng, nhân sĩ, trí thức) người Tây Nguyên mà em yêu thích.	
Năm học thứ 9	
I. NGHE Nghe hiểu nội dung và tóm tắt được ý chính do người khác trình bày.	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Vốn từ theo chủ điểm gần gũi với cuộc sống và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
II. NÓI – Phát biểu ý kiến rõ ràng, mạch lạc về một nội dung theo chủ đề. – Miêu tả một số danh lam thắng cảnh của địa phương và vùng Tây nguyên. **III. ĐỌC** **1. Đọc hiểu nội dung** – Đọc rõ ràng, mạch lạc các văn bản. – Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ khó có trong văn bản. – Hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn bản theo nghĩa tường minh. **2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận biết được đặc điểm một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó (đơn xin nhập học, giấy mời, ...) – Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản. **3. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Vận dụng kiến thức tiếng Việt đã được học để nhận diện từ ngữ đồng âm, từ ngữ đồng nghĩa, từ ngữ trái	2. Từ ngữ đồng âm. 3. Từ ngữ đồng nghĩa. 4. Từ ngữ trái nghĩa 5. Bài văn – Bài văn miêu tả phong cảnh. – Văn bản nhật dụng: Mẫu đơn từ phổ biến (điền theo mẫu), viết thư. **NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học** 1.1. Văn bản văn học dân gian – Văn học dân gian Êđê. + Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ. + Sử thi. + Luật tục. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam. 1.2. Văn bản văn học viết **2. Văn bản nhật dụng**

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
nghĩa trong văn bản tiếng Êđê. – So sánh các tiếng, từ ngữ trong văn bản được học với phương ngữ. – Liên hệ thực tế với những phong cảnh đẹp nơi em ở và các hoạt động của địa phương nhằm giữ gìn cảnh đẹp đó. **4. Đọc mở rộng** – Một năm học, đọc tối thiểu 9 văn bản thông tin hoặc văn bản văn học có độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Học thuộc lòng những đoạn văn vần mà em yêu thích. **IV. VIẾT** **1. Quy trình viết** – Biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. – Tìm hiểu nội dung cần điền trong mẫu đơn từ. Điền đúng nội dung thông tin theo yêu cầu. **2. Thực hành viết** – Viết bài văn miêu tả một danh lam thắng cảnh ở địa phương.	– Văn bản giới thiệu về danh lam thắng cảnh ở địa phương. – Một số mẫu đơn từ thông dụng. **3. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Viết một số đơn từ thông dụng theo mẫu.	

2.3. Trình độ B

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
Năm học thứ 10	
I. NGHE – Nghe hiểu nghĩa các từ ngữ theo chủ điểm thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội. – Nghe - nhận biết ngữ điệu và cấu tạo của lời nói vần Êđê. – Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác. **II. NÓI** – Nói thành thạo, lưu loát, biết thuyết minh về các chủ đề thuộc lĩnh vực Giáo dục và Truyền thống lịch sử. – Thuyết minh về một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê về: Văn học dân gian; không gian văn hóa cồng chiêng; nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu (nhạc cụ, dân ca, dân vũ). – Trình bày vấn đề một cách tự tin, có sức thuyết phục,	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Hệ thống và mở rộng vốn từ, kiến thức theo các chủ đề 1.1. Chủ đề: Giáo dục – Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc bảo tồn ngôn ngữ tiếng dân tộc thiểu số. – Tuyên truyền, vận động học sinh đi học: vận động trẻ em đến trường đúng độ tuổi; vận động học sinh bỏ học trở lại trường học. – Tấm gương tiêu biểu về các nhà Giáo người Êđê; tấm gương học sinh học giỏi, vượt khó; tấm gương Gia đình văn hóa tiêu biểu dân tộc Êđê. – Khoa học công nghệ. – Văn học dân gian Êđê.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. **III. ĐỌC** **1. Đọc hiểu** **1.1. Đọc hiểu nội dung** – Đọc thành thạo, diễn cảm, thể hiện đúng ngữ điệu theo nội dung văn bản. – Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ theo các chủ đề: Giáo dục; Truyền thống lịch sử. – Hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn bản theo nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, từ đó hiểu được thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc. – Biết tóm tắt những ý chính của văn bản. **1.2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận biết chủ đề; những thông tin cơ bản; những thông tin chi tiết và mối liên hệ giữa các chi tiết với thông tin cơ bản. – Nhận biết được thể loại văn bản thuộc văn học dân gian. – Nhận biết được biện pháp tu từ (so sánh) trong văn bản	– Văn hóa nghệ thuật: không gian văn hóa cồng chiêng, nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu (nhạc cụ, dân ca, dân vũ). 1.2. Chủ đề: Truyền thống lịch sử – Bác Hồ với người dân Tây nguyên. – Di tích lịch sử địa phương. – Truyền thống anh hùng của dân tộc Êđê. – Bảo vệ chủ quyền. 1.3. Giáo dục kĩ năng sống: Nhóm kĩ năng trong học tập, làm việc, vui chơi, giải trí. 2. Rèn luyện thực hành ngôn ngữ 2.1. Danh từ loại thể (drei, čô, blah, boh, ...). 2.2. Từ láy. 2.3. Cấu trúc câu với từ "êjai". 2.4. Biện pháp tu từ trong văn học dân gian Êđê (so sánh). 3. Bài văn – Bài văn thuyết minh về các vấn đề liên quan đến nội dung các chủ đề: Giáo dục; Truyền thống lịch sử.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
văn học dân gian Êđê. **1.3. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Vận dụng kiến thức tiếng Việt để nhận diện về từ, câu trong kiến thức tiếng Êđê. – Kết nối kiến thức đã được học với các bối cảnh đời sống trong kinh nghiệm của học sinh để giải quyết những vấn đề có liên quan trong thực tiễn cuộc sống thuộc các chủ đề Giáo dục và Truyền thống lịch sử. – Nêu được suy nghĩ của bản thân về nét văn hóa đặc trưng của dân tộc Êđê: Văn học dân gian; không gian văn hóa cồng chiêng; nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu (nhạc cụ, dân ca, dân vũ). **1.4. Đọc mở rộng** – Một năm học, đọc tối thiểu 10 văn bản thông tin hoặc văn bản văn học có độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Học thuộc lòng những bài văn vần mà em yêu thích. **IV. VIẾT** **1. Quy trình viết** – Viết đúng ngữ pháp, thể hiện đúng cách sử dụng từ, câu trong tiếng Êđê.	– Bài văn thuyết minh về một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê về: Văn học dân gian; không gian văn hóa cồng chiêng; nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu (nhạc cụ, dân ca, dân vũ). **NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học** 1.1. Văn bản văn học dân gian. – Văn học dân gian Êđê. + Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ. + Sử thi. + Luật tục. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam. 1.2. Văn bản văn học viết **2. Văn bản nhật dụng** – Văn bản về các vấn đề liên quan đến các chủ đề: Giáo dục; Truyền thống lịch sử. – Văn bản giới thiệu về một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê: Văn học dân gian; không gian văn hóa

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
– Viết đúng quy trình, có kết hợp các phương thức biểu đạt. Bài viết thể hiện được cảm xúc, thái độ và chủ kiến của người viết về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội. – Có kĩ năng thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế). **2. Thực hành viết** – Viết bài văn thuyết minh về các vấn đề liên quan đến chủ đề Giáo dục và Truyền thống lịch sử. – Viết bài văn thuyết minh về một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê về: Văn học dân gian; không gian văn hóa cồng chiêng; nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu (nhạc cụ, dân ca, dân vũ).	cồng chiêng; nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu (nhạc cụ, dân ca, dân vũ). **3. Văn bản nghị luận** - Nghị luận xã hội. - Nghị luận văn học. **4. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.
Năm học thứ 11	
I. NGHE – Nghe hiểu nghĩa các từ ngữ theo chủ điểm thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội. – Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; nhận biết những lý lẽ, dẫn chứng mà người nói/ viết sử dụng để thuyết phục người nghe.	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Hệ thống và mở rộng vốn từ, kiến thức theo các chủ đề: 1.1. Chăm sóc sức khỏe – Chăm sóc sức khỏe bản thân, gia đình.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
II. NÓI – Nói thành thạo, lưu loát, biết thuyết minh về các vấn đề liên quan đến chủ đề Chăm sóc sức khỏe và Pháp luật và đời sống. – Thuyết minh về một số nét văn hóa truyền thống và hiện đại của dân tộc Êđê: Cảnh vật đặc trưng ở buôn làng, Nghi lễ vòng đời người. – Trình bày vấn đề một cách tự tin, có sức thuyết phục, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. **III. ĐỌC** **1.1. Đọc hiểu nội dung** – Đọc thành thạo, diễn cảm, thể hiện đúng ngữ điệu theo nội dung văn bản. – Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ theo các chủ điểm về Chăm sóc sức khỏe và Pháp luật và đời sống. – Hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn bản theo nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, từ đó hiểu được thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc. – Biết tóm tắt những ý chính của văn bản.	– Chăm sóc sức khỏe cộng đồng: phòng tránh dịch bệnh; phòng tránh tệ nạn xã hội. – Hôn nhân cận huyết thống. 1.2. Pháp luật và đời sống – Chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về việc phát triển nâng cao đời sống văn hóa, xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và dân tộc Êđê nói riêng. – Cuộc sống đổi mới trong buôn làng. – Giữ bình yên buôn làng: Phát huy tinh thần đoàn kết; không nghe lời kẻ xấu. – Thực hiện pháp luật: Thực hiện nghĩa vụ công dân; an toàn giao thông. 1.3. Giáo dục giới tính. 2. Rèn luyện thực hành ngôn ngữ về: 2.1. Phụ từ so sánh *(msĕ, mtăp, mđơr, mdrăng, hnar, mdŭm, hĩn).* 2.2. Câu ghép (phần 1). 2.3. Biện pháp tu từ trong văn học dân gian Êđê (ẩn dụ). 3. Bài văn – Bài văn thuyết minh về các vấn đề liên quan đến chủ

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1.2. Đọc hiểu hình thức – Nhận biết chủ đề; những thông tin cơ bản; những thông tin chi tiết và mối liên hệ giữa các chi tiết với thông tin cơ bản. – Nhận biết được biện pháp tu từ (ẩn dụ) trong thể loại văn bản văn học dân gian Êđê. **1.3. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Vận dụng kiến thức tiếng Việt để nhận diện về từ loại (phụ từ so sánh) trong kiến thức tiếng Êđê. – Kết nối kiến thức đã được học với các bối cảnh đời sống trong kinh nghiệm của học sinh để giải quyết những vấn đề có liên quan trong thực tiễn cuộc sống thuộc các chủ đề Chăm sóc sức khỏe và Pháp luật và đời sống. – Ứng dụng gọi đúng tên; có thái độ, tình cảm tích cực đối với một số lễ hội truyền thống và hiện đại của dân tộc Êđê và các dân tộc Tây Nguyên. – Liên hệ thực tế đến việc lưu giữ và khôi phục những nghi lễ truyền thống tốt đẹp có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển cuộc sống cộng đồng. **1.4. Đọc mở rộng** – Một năm học, đọc tối thiểu 11 văn bản thông tin hoặc	để Chăm sóc sức khỏe và Pháp luật và đời sống. – Bài văn thuyết minh về một số nét văn hóa truyền thống và hiện đại của dân tộc Êđê: Cảnh vật đặc trưng ở buôn làng, Nghi lễ vòng đời người. **NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học** 1.1. Văn bản văn học dân gian. – Văn học dân gian Êđê. + Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ. + Sử thi. + Luật tục. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam. 1.2. Văn bản văn học viết **2. Văn bản nhật dụng** – Văn bản về các vấn đề liên quan đến chủ đề Chăm sóc sức khoẻ và Pháp luật và đời sống. – Văn bản về một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê về: Cảnh vật đặc trưng ở buôn làng, Nghi lễ

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
văn bản văn học có độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Học thuộc lòng những bài văn vần mà em yêu thích. **IV. VIẾT** **1. Quy trình viết** – Viết đúng ngữ pháp, thể hiện đúng cách sử dụng từ, câu trong tiếng Êđê. – Viết đúng quy trình, có kết hợp các phương thức biểu đạt. Bài viết thể hiện được cảm xúc, thái độ và chủ kiến của người viết về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội. – Có kĩ năng thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế). **2. Thực hành viết** – Viết được bài văn thuyết minh về các vấn đề liên quan đến chủ đề Chăm sóc sức khoẻ và Pháp luật và đời sống. – Viết bài văn thuyết minh về một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê về: Cảnh vật đặc trưng ở buôn làng, nghi lễ Vòng đời người. – Viết bài văn tả về một lễ hội truyền thống (hoặc hiện	vòng đời người. – Văn bản giới thiệu về một số lễ hội truyền thống và hiện đại của dân tộc Êđê và các dân tộc Tây Nguyên. **3. Văn bản nghị luận** - Nghị luận xã hội. - Nghị luận văn học. **4. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
đại) của dân tộc Êđê và các dân tộc Tây Nguyên.	
Năm học thứ 12	
I. NGHE – Nghe hiểu nghĩa các từ ngữ theo chủ điểm thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội. – Nghe và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói, biết nhận xét về nội dung thuyết trình. **II. NÓI** – Nói thành thạo, lưu loát, biết thuyết minh về các vấn đề liên quan đến chủ đề Lao động sản xuất và Tài nguyên môi trường. – Thuyết minh về một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê về: Nghề truyền thống; Nghi lễ nông nghiệp. – Trình bày được lý lẽ để củng cố cho một ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống. – Trình bày vấn đề một cách tự tin, có sức thuyết phục, có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Biết tham gia hội thoại, có chủ kiến và thái độ tranh luận phù hợp. **III. ĐỌC**	**KIẾN THỨC TIẾNG ÊĐÊ** 1. Hệ thống và mở rộng vốn từ, kiến thức theo các chủ đề: 1.1. Lao động sản xuất – Trồng cây công nghiệp, cây nông nghiệp và chăn nuôi. – Nghề truyền thống: dệt thổ cẩm, đan lát, điêu khắc, gốm, rèn. 1.2. Tài nguyên, môi trường – Rừng, thú rừng Tây nguyên. – Bảo vệ Tài nguyên: Đất, nước, rừng, khoáng sản, … 1.3. Giáo dục kĩ năng sống: Nhóm kĩ năng giao tiếp, hòa nhập, ứng phó với các tình huống cuộc sống. 2. Rèn luyện thực hành ngôn ngữ 2.1. Từ khiến động (mdjiê, mjing, mđĩ, …). 2.2. Giới từ (giới từ "kơ") 2.3. Câu ghép (phần 2)

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
1. Đọc hiểu nội dung – Đọc thành thạo, diễn cảm, thể hiện đúng ngữ điệu theo nội dung văn bản. – Đọc hiểu nghĩa các từ, cụm từ theo các chủ điểm về Lao động sản xuất và Tài nguyên môi trường. – Hiểu nội dung chính, nội dung chi tiết, chủ đề của văn bản theo nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn, từ đó hiểu được thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc. – Biết tóm tắt những ý chính của văn bản. **2. Đọc hiểu hình thức** – Nhận biết chủ đề; những thông tin cơ bản; những thông tin chi tiết và mối liên hệ giữa các chi tiết với thông tin cơ bản. – Nhận biết được biện pháp tu từ (khoa trương) trong văn bản văn học dân gian Êđê. **1.3. Liên hệ, so sánh, kết nối** – Vận dụng kiến thức tiếng Việt để nhận diện về từ, câu ghép trong kiến thức tiếng Êđê. – Kết nối kiến thức đã được học với các bối cảnh đời sống trong kinh nghiệm của học sinh để giải quyết những	2.4. Biện pháp tu từ trong văn học dân gian Êđê (khoa trương). 3. Bài văn – Bài văn thuyết minh về các vấn đề liên quan đến chủ đề Bảo vệ Tài nguyên môi trường và lao động sản xuất. – Bài văn thuyết minh về Nghi lễ nông nghiệp của dân tộc Êđê. **NGỮ LIỆU** **1. Văn bản văn học** 1.1. Văn bản văn học dân gian – Văn học dân gian Êđê. + Truyện cổ: cổ tích, truyền thuyết, ngụ ngôn, truyện cười. + Lời nói vần: thành ngữ, tục ngữ. + Sử thi. + Luật tục. – Văn học dân gian các dân tộc Việt Nam. 1.2. Văn bản văn học viết

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
vấn đề có liên quan trong thực tiễn cuộc sống thuộc các chủ đề Lao động sản xuất và Tài nguyên môi trường. – Liên hệ thực tế đến việc lưu giữ và khôi phục những nghi lễ truyền thống tốt đẹp có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển cuộc sống cộng đồng. Từ đó, có những ý tưởng hành động cụ thể để góp phần xây dựng quê hương và bảo vệ môi trường hiện nay. **1.4. Đọc mở rộng** – Một năm học, đọc tối thiểu 12 văn bản thông tin hoặc văn bản văn học có độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Học thuộc lòng những bài văn vần mà em yêu thích. **IV.VIẾT** **1. Quy trình viết** – Viết đúng ngữ pháp, thể hiện đúng cách sử dụng từ ngữ, câu trong tiếng Êđê. – Viết đúng quy trình, có kết hợp các phương thức biểu đạt. Bài viết thể hiện được cảm xúc, thái độ và chủ kiến của người viết về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội. – Có kĩ năng thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều	**2. Văn bản nhật dụng** – Văn bản về các vấn đề liên quan đến chủ đề Bảo vệ Tài nguyên môi trường và lao động sản xuất. – Văn bản thuyết minh về Nghi lễ nông nghiệp của dân tộc Êđê. **3. Văn bản nghị luận** - Nghị luận xã hội. - Nghị luận văn học. **4. Gợi ý chọn văn bản:** Xem danh mục gợi ý.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung giáo dục
nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế). **2. Thực hành viết** – Viết thành thạo bài văn thuyết minh về chủ đề bảo vệ tài nguyên, môi trường ở địa phương và Lao động sản xuất. – Viết bài văn thuyết minh về một số nét văn hóa truyền thống của dân tộc Êđê về: Nghề truyền thống; Nghi lễ nông nghiệp.	

VII. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Chương trình môn Tiếng Êđê vận dụng theo định hướng chung là: phương pháp dạy ngôn ngữ mẹ đẻ - sử dụng cái đã biết để học cái chưa biết (hoặc chưa biết rõ); đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tạo hứng thú cho học sinh; phát triển năng lực giao tiếp của học sinh trong những ngữ cảnh giao tiếp thực, liên quan tới các lĩnh vực khác nhau; giúp học sinh huy động kiến thức về ngôn ngữ, về văn hóa và xã hội, các năng lực ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ có sẵn và đã được lĩnh hội, hình thành từ việc học môn Ngữ văn để có phương pháp học hiệu quả môn Tiếng Êđê. Trong đó, chú trọng phương pháp giáo dục phát triển năng lực chung và phương pháp hình thành và phát triển năng lực đặc thù (phương pháp dạy đọc, dạy viết, dạy nói – nghe) lấy người học làm trung tâm trên cơ sở định hướng, tổ chức dạy học của giáo viên.

Căn cứ vào Chương trình môn Tiếng Êđê, giáo viên chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung dạy học. Tùy vào học sinh ở từng cấp, lớp và nội dung dạy học, giáo viên đa dạng hóa các hình thức, phương tiện dạy học và học liệu, đặc biệt sử dụng các tư liệu dạy học thực, đưa học sinh vào hoàn cảnh giao tiếp cụ thể, sát thực, dễ

hình dung. Cần chú trọng việc rèn luyện cả bốn kĩ năng giao tiếp: nghe, nói, đọc, viết (chú trọng kĩ năng đọc, viết), kết hợp đồng thời giữa rèn luyện và phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn hóa, trong đó mục tiêu cuối cùng là năng lực giao tiếp bằng Tiếng Êđê, bám sát các chủ đề, chủ điểm trong chương trình nhằm giúp học sinh lĩnh hội các giá trị văn hóa Êđê.

VIII. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục môn Tiếng Êđê là cung cấp thông tin kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lý và phát triển Chương trình, đảm bảo sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và môn Tiếng Êđê nói riêng.

2. Căn cứ đánh giá

– Bảo đảm độ tin cậy, tính hiệu lực, khách quan, phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học, không gây áp lực cho học sinh.

– Căn cứ vào các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và chương trình môn học, hoạt động giáo dục ở thời điểm kiểm tra và đánh giá.

3. Nội dung đánh giá

Trong môn Tiếng Êđê, giáo viên đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của học sinh thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết.

4. Cách thức đánh giá

– Đánh giá thường xuyên: Được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do giáo viên môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: giáo viên đánh giá học sinh, học sinh đánh giá lẫn nhau, học sinh tự đánh giá.

– Các bài kiểm tra cuối kỳ có thể thiết kế linh hoạt theo nhiều hình thức như: bài viết, vấn đáp, bài tập nhóm,….

- Đánh giá cuối cấp học: Cuối mỗi cấp học, học sinh được đánh giá theo chuẩn đầu ra được quy định trong chương trình cho từng cấp học.

IX. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Biên soạn và sử dụng sách giáo khoa, tài liệu tham khảo

Chương trình là cơ sở để biên soạn sách giáo khoa Tiếng Êđê, các tài liệu tham khảo đi kèm và xây dựng danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cho môn học.

Sách giáo khoa cần thiết kế phù hợp với lứa tuổi học sinh, hình ảnh có hình thức đẹp, đảm bảo phản ánh chân thực văn hóa của dân tộc Êđê, tích hợp nội dung có liên quan của các môn học khác trong Chương trình giáo dục phổ thông.

- Việc biên soạn và sử dụng sách giáo khoa Tiếng Êđê tuân theo các quy định hiện hành. Sau mỗi một quyển sách giáo khoa cần có thêm bảng đối chiếu thuật ngữ, tên gọi bằng tiếng Êđê. Sau mỗi văn bản bài học cần có mục đối chiếu các thuật ngữ chính được giải thích theo tiếng Êđê Kpă (khoảng trên dưới 10 – 20 đơn vị từ).

Ngữ liệu phù hợp với chủ điểm, chủ đề được học, với tâm lý, nhận thức của học sinh dân tộc Êđê và được lấy từ các nguồn: ngôn ngữ thông dụng, lời ăn tiếng nói (khẩu ngữ) hàng ngày, cách nói thường gặp (nghi thức lời nói; mẫu câu; từ ngữ quen dùng...) của người Êđê; văn bản thông tin, văn học dân gian, văn học viết (kể cả văn học viết mới), âm nhạc của người Êđê, báo, đài,... phản ánh đời sống, con người, văn hóa của dân tộc Êđê. Ngoài ra, nguồn ngữ liệu còn được lấy từ một số văn bản, tác phẩm có giá trị đặc sắc về văn học, văn hóa của các dân tộc Việt Nam và thế giới.

2. Điều kiện thực hiện chương trình

Để việc thực hiện Chương trình đạt hiệu quả, cần đảm bảo các điều kiện cơ bản sau:

2.1. Chương trình này được áp dụng cho các trường học có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện Chương trình theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình cần có đủ cơ sở vật chất (trường, lớp, bàn, ghế,...), sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học theo quy định; có đủ giáo viên dạy Tiếng Êđê đạt trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành. Hằng năm, các Sở Giáo dục và Đào tạo cần tổ chức cho cán bộ quản lý và giáo viên tham gia bồi

dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để cập nhật các kiến thức ngôn ngữ, văn hóa mới và các phương pháp dạy học hiện đại.

2.3. Các Sở Giáo dục và Đào tạo cần xây dựng kế hoạch và hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình tại các trường phổ thông với đặc điểm, yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa của địa phương mình.

X. DANH MỤC VĂN BẢN (NGỮ LIỆU) GỢI Ý LỰA CHỌN

1. Văn xuôi

1.1. Văn học dân gian

– Sử thi Dăm Săn (khan Dăm Săn), Khing Jũ, Dăm Kteh Mlan.

– Luật tục Êđê (NXB Văn hóa dân tộc).

– Truyện dân gian Êđê (NXB Đại học quốc gia TP HCM).

– Tục ngữ, đồng dao, hát ru, câu đố, dân ca lao động phong tục (Tổng hợp văn học các DTTS- NXB Đà Nẵng).

– Truyện cổ tích Êđê (Trương Bi- Y- Wơn): Sự tích quả bầu vàng và Sự tích đoàn kết các dân tộc.

– Sử thi Mnông: Làm rẫy Bon Tiăng.

– Dân ca Tây Nguyên (Võ Quang Nhơn, NXB văn hóa- Hà Nội 1986).

1.2. Văn học viết

– Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh.

– Đi tìm hồn chiêng (H'Linh Niê) - *Linh Nga Niê Kdăm.*

– Suối rừng - Niê Thanh Mai.

– Tuyển tập văn xuôi dân tộc miền núi (nhà xuất bản văn hóa dân tộc).

– Tổng hợp văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam (Tập 5,6).

– Đã quỳ và tượng gỗ (Khôi Nguyên)- Hội văn học nghệ thuật Đắk Lắk.

– Tập "Hạ xanh" (Tập sáng tác thơ văn thiếu nhi Đắk Lắk - NXB văn hóa nghệ thuật TP HCM).

– Gió đại ngàn (Hội văn học nghệ thuật Đắk Lắk).

– Kể chuyện đạo đức Bác Hồ (NXB Thanh niên).

– Những lời ca dâng Bác (NXB văn hóa thông tin).

– Lời của Bác là lời đất nước (Êđê- Việt- NXB văn hóa dân tộc Hà Nội 2009).

– Nghĩ về Bác lòng ta trong sáng hơn (Êđê- Việt- NXB văn hóa dân tộc Hà Nội 2008).

– Trăm năm Ban Mê (NXB văn học – Hà Nội 2005).

– Tiểu thuyết *Từ sông Krông Bông* (Trúc Hoài).

– Dòng sông tóc (H'Linh Niê).

– Truyện Em nhờ bộ đội Awa Hồ (Y- Điêng).

– Không gia đình (Hector Malot).

2. Thơ

– Tập thơ Quả đầu mùa (Hoàng Việt Thắng- NXB dân tộc).

– Thơ văn Đắk Lắk 2006- 2010 (NXB văn hóa dân tộc).

– Tập thơ Hương rừng (Tập thơ văn thiếu nhi DTTS).

– Tập thơ Lời chiêng (Hội văn học nghệ thuật Đăk Lắk- 2006).

– Truyện và thơ của Nguyễn Ái Quốc- Hồ Chí Minh.

– Thơ, nhạc của Linh Nga Niê Kdăm.

– Giới thiệu nghệ thuật diễn xướng Êđê – Linh Nga.

3. Bài hát, dân ca

– Chiriria và Hát đố (lời Ê Đê cổ và lời mới). Tài liệu tham chiếu: Sách "Làn điệu dân ca Tây Nguyên" – các tác giả Trần Ngọc Sơn, Huỳnh Ngọc La Sơn và Lưu Văn Minh sưu tầm, biên soạn - Tài liệu lưu hành nội bộ, do Bộ GDĐT phát hành tại Hà Nội năm 2015.

– Hái rau và Ru em (lời Ê Đê cổ và lời mới). Tài liệu tham chiếu: Sách "Làn điệu dân ca Tây Nguyên" – các tác giả Trần Ngọc Sơn, Huỳnh Ngọc La Sơn và Lưu Văn Minh sưu tầm, biên soạn- Tài liệu lưu hành nội bộ, do Bộ GDĐT phát hành tại Hà Nội năm 2015.

– Bài dân ca "Sáng trong buôn" (lời Ê Đê cổ và lời phổ thông). Tài liệu tham chiếu: Sách "Làn điệu dân ca Tây Nguyên".

– Các tác giả Trần Ngọc Sơn, Huỳnh Ngọc La Sơn và Lưu Văn Minh sưu tầm, biên soạn- Tài liệu lưu hành nội bộ, do Bộ GDĐT phát hành tại Hà Nội năm 2015.

– Bài hát "Bay về cội nguồn" tác giả Y Phôn Ksor (lời Ê Đê và lời phổ thông). Tài liệu tham chiếu Tập ca khúc " Yêu sao Đăk Lăk hôm nay" Sở VHTT và DL Đăk Lăk phát hành năm 2020.

4. Văn bản thông tin

– Văn bản giới thiệu về các lễ hội mới Tây nguyên: Đua voi, đua thuyền, lễ hội Cà phê, lễ hội cồng chiêng.

– Văn bản giới thiệu về Nghi lễ truyền thống của dân tộc Êđê (nhóm cộng đồng và gia đình).

– Văn bản giới thiệu về Phong tục tập quán của dân tộc Êđê: Kiến trúc nhà dài; phong tục cưới xin, phong tục ma Chay.

– Văn bản giới thiệu về Nghi lễ truyền thống của dân tộc Êđê (nhóm cộng đồng và gia đình).

– Văn bản giới thiệu về: Nghề truyền thống của dân tộc Êđê.

– Văn bản giới thiệu anh hùng dân tộc, nhân sĩ, trí thức, nghệ nhân tiêu biểu người Tây Nguyên.

– Vận dụng luật tục Êđê vào việc xây dựng gia đình, buôn, thôn văn hóa (NXB dân tộc).

– Một số bài báo về dân tộc Êđê, văn hóa Tây Nguyên (Báo dân tộc miền núi, tin đài,...).

– Tây Nguyên sử lược (Hội sử học Việt Nam- Hà nội 1993).

– Bộ sách Giáo khoa tiếng Êđê "Klei Êđê hdruôm" quyển 1,2,3, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013.

– Từ điển Việt – Êđê - Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Sở Giáo dục và Đào tạo, Viện ngôn ngữ học Việt Nam, 2015.

– Từ điển Êđê - Việt (Hdruôm hră mblang klei blŭ Êđê – Yuăn)- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2015.

– Ngữ pháp tiếng Êđê - Sở Giáo dục và Đào tạo, Viện ngôn ngữ học Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2011.

– Bộ truyện đọc song ngữ Êđê – Việt 1,2,3 - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013.

5. Bảng chữ cái Êđê

Chương trình được ban hành dựa trên Bộ chữ cái Tiếng Êđê đã được thể chế và sử dụng; nếu các địa phương sử dụng bộ chữ Tiếng Êđê có sự khác biệt nhất định cần nghiên cứu thích ứng hóa và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh Chương trình cho phù hợp với bộ chữ Tiếng Êđê tại địa phương.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

MÔN TIẾNG JRAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

1. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC
2. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN CHƯƠNG TRÌNH
3. MỤC TIÊU
4. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH
5. YÊU CẦU CẦN ĐẠT
6. NỘI DUNG GIÁO DỤC
7. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC
8. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC
9. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
10. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Môn Tiếng Jrai là môn họctự chọn thuộc lĩnh vực Giáo dục ngôn ngữ được triển khai dạy học cho học sinh từ bậc A đến bậc B. Ở bậc A (trình độ A1, A2) tương ứng với giai đoạn giáo dục cơ bản, bậc B (trình độ B) tương ứng với giai đoạn giáo dục hướng nghiệp.

Môn Tiếng Jrai giúp học sinh nhận thức và nâng cao khả năng giao tiếp bằng Tiếng Jrai ở cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết để duy trì, lưu giữ và phát triển ngôn ngữ Jrai; góp phần giáo dục học sinh có ý thức bảo tồn và phát huy những giá trị cao đẹp về bản sắc văn hóa, văn học và ngôn ngữ Jrai; phát triển ở học sinh những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống vị tha, nhân ái, tinh thần hòa hợp với các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.

Thông qua các văn bản ngôn từ Tiếng Jrai và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động nghe, nói, đọc, viết, môn Tiếng Jrai góp phần giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp cũng như các năng lực chung và năng lực sử dụng ngôn ngữ Jrai. Đối với học sinh người Jrai, môn Tiếng Jrai giúp các em sử dụng hiệu quả tiếng mẹ đẻ để có thể quan tâm, gắn bó và có trách nhiệm cao hơn với cuộc sống của địa phương, có kĩ năng giải quyết tốt hơn các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Nội dung chính của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kĩ năng cơ bản về Tiếng Jrai, các nét văn hoá của dân tộc Jrai đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh ở từng trình độ; được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (bậc A) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (bậc B).

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản (bậc A): Chương trình được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Kiến thức được tích hợp trong quá trình dạy học nghe, nói, đọc, viết.Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của học sinh ở mỗi bậc/trình độ. Mục tiêu của giai đoạn này là giúp học sinh sử dụng Tiếng Jrai để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống nhằm bảo tồn ngôn ngữ mẹ đẻ và văn hóa Jrai.

Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (bậc B): Chương trình củng cố và phát triển các kết quả của trình độ bậc A (trình độ A1, A2), giúp học sinh nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ; trang bị một số kiến thức về văn hoá, xã hội của địa phương; định hướng nghề nghiệp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình Tiếng Jrai tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông;

- Chương trình được xây dựng trên nền tảng lí luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu nghiên cứu về khoa học ngôn ngữ và khoa học giáo dục; định hướng theo Chương trình giáo dục phổ thôngmôn Ngữ văn;điều kiện kinh tế - xã hội địa phương, nguyện vọng và nhu cầu học tập của học sinh;

- Chương trình lấy việc rèn luyện các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) làm trục chính xuyên suốt cả hai bậc A (trình độ A1, trình độ A2), và bậc B (trình độ B) nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình theo định hướng năng lực. Căn cứ tình hình thực tế, các kiến thức Tiếng Jrai có hoặc không đưa ra các khái niệm mà chỉ được nhận diện thông qua kiến thức tiếngViệt được học ở môn Tiếng Việt và môn Ngữ văn (chú trọng vào những điểm khác biệt của Tiếng Jrai so với Tiếng Việt); phục vụ cho yêu cầu rèn luyện các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết);

- Chương trình được xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về nghe, nói, đọc, viết cho mỗi bậc; quy định một số kiến thức cơ bản, cốt lõi về Tiếng Jrai, văn hóa, văn học Jrai và một số văn bản tiêu biểu của văn học các dân tộc khác.

- Chương trình vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát huy và kế thừa những ưu điểm từ chương trình Tiếng Jrai hiện hành (theo Quyết định số 76/2008/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2008 của Bộ GDĐT về việc ban hành Chương trình Tiếng Jrai cấp tiểu học) và các chương trình tiếng dân tộc khác.

3. MỤC TIÊU

3.1. Mục tiêu chung

Môn Tiếng Jrai góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá nhân; giúp học sinh có tình yêu đối với Tiếng Jrai, có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá và ngôn ngữ của cộng đồng dân tộc Jrai và các dân tộc anh em khác trên đất nước Việt Nam.

Góp phần giúp học sinh phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Môn Tiếng Jrai giúp học sinh phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực vận dụng vốn kiến thức tiếng mẹ đẻ có sẵn và vốn kiến thức Tiếng Việt đã được học để học môn Tiếng Jrai; rèn luyện các kĩ năng nghe, nói đọc, viết; có hệ thống kiến thức cơ bản về Tiếng Jrai; biết tiếp nhận các văn bản bằng Tiếng Jrai nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mĩ nói chung trong cuộc sống.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Mục tiêu bậc A

a) Đối với trình độ A1 (cấp Tiểu học)

- Giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: yêu gia đình, trường lớp, quê hương, yêu thiên nhiên; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình;

- Giúp học sinh bước đầu hình thành các năng lực chung, phát triển năng lực ngôn ngữ Tiếng Jrai ở tất cả các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết với mức độ căn bản: đọc đúng, trôi chảy các từ ngữ được học; hiểu nghĩa của từ ngữ, nội dung của văn bản được đọc; viết đúng chính tả, ngữ pháp, viết đúng họ, tên và các địa danh có nguồn gốc từ Tiếng Jrai; viết được một số từ ngữ, câu ngắn, đơn giản; nói, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc; nghe và hiểu được ý người khác nói.

b) Đối với trình độ A2 (cấp Trung học cơ sở)

- Giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất chủ yếu đã được hình thành ở trình độ A1; nâng cao và mở rộng yêu cầu phát triển về phẩm chất với các biểu hiện cụ thể như: yêu thích lao động; có ý thức trách nhiệm với xã hội và môi trường xung quanh.

- Giúp học sinh tiếp tục phát triển các năng lực chung, năng lực ngôn ngữ, đã hình thành ở trình độ A1 với các yêu cầu cần đạt cao hơn. Phát triển năng lực ngôn ngữ với yêu cầu: đọc hiểu được nội dung văn bản văn học và văn bản thông tin; viết được đoạn văn (văn miêu tả, văn kể chuyện); nói dễ hiểu, mạch lạc; nghe và hiểu được nội dung người khác nói; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp và cách thức biểu đạt của Tiếng Jrai.

3.2.2. Mục tiêu bậc B (cấp Trung học phổ thông)

- Giúp học sinh tiếp tục phát triển những phẩm chất đã được hình thành ở bậc A; mở rộng và nâng cao yêu cầu phát triển phẩm chất với các biểu hiện cụ thể: biết tự hào về lịch sử và văn hóa dân tộc; tinh thần tự học và tự trọng, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật.

- Tiếp tục phát triển các năng lực đã hình thành ở bậc A với các yêu cầu cần đạt cao hơn: Đọc hiểu được nội dung văn bản với mức độ khó hơn thể hiện qua dung lượng, nội dung và yêu cầu đọc; hiểu được những thông tin cơ bản, chủ đề và ý nghĩa của văn bản; nhận biết được một số biện pháp tu từ trong văn bản văn học dân gian dân tộc Jrai. Viết bài văn ngắn (chủ yếu bài văn kể và tả).Nói và nghe linh hoạt; nghe hiểu với thái độ phù hợp.

(Xem tiếp Công báo số 977 + 978)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng